

**TÔNG HUẤN
DILEXI TE
CỦA ĐỨC THÁNH CHA LÊÔ XIV
GỬI TOÀN THỂ KITÔ HỮU
VỀ TÌNH YÊU ĐỐI VỚI NGƯỜI NGHÈO**

(Nguồn: <https://www.ephatacatholic.com/toan-van-tong-huan-dilexi-te-cua-duc-thanh-cha-leo-xiv-gui-toan-the-kito-huu-ve-tinh-yeu-doi-voi-nguoi-ngheo/>)

“Ta đã yêu thương người” (Kh 3,9). Chúa nói những lời này với một cộng đoàn Kitô hữu vốn không có thế lực hay phương tiện như một vài cộng đoàn khác, lại còn bị bạo lực và khinh khi đối xử. “Người chỉ có ít quyền lực... Ta sẽ bắt họ đến sụp lạy dưới chân người” (Kh 3,8–9). Đoạn Kinh Thánh này gợi nhớ lời ca tụng của Đức Maria: “Chúa hạ bệ những ai quyền thế, Người nâng cao mọi kẻ khiêm nhường, kẻ đói nghèo Chúa ban của đầy dư, người giàu có lại đuổi về tay trắng” (Lc 1,52–53).

Lời tuyên bố tình yêu này, trích từ Sách Khải Huyền, chiếu rọi màu nhiệm vô tận mà Đức Giáo hoàng Phanxicô đã suy niệm trong Thông điệp Dilexit Nos về tình yêu nhân loại và thần linh của Thánh Tâm Đức Giêsu Kitô. Ở đó, chúng ta thấy Đức Giêsu đồng hóa mình “với những tầng lớp thấp nhất của xã hội” và bằng tình yêu đổ ra đến cùng, Người xác nhận phẩm giá của mọi con người, nhất là “khi họ yếu đuối, bị khinh bỉ hoặc đau khổ.”[1] Khi chiêm ngắm tình yêu của Đức Kitô, “chúng ta cũng được thúc quan tâm hơn đến nỗi khổ và nhu cầu của tha nhân, và được củng cố trong nỗ lực tham dự vào công trình giải phóng của Người như những khí cụ để lan tỏa tình yêu của Người.”[2]

Vì thế, tiếp nối Thông điệp Dilexit Nos, trong những tháng cuối đời, Đức Giáo hoàng Phanxicô đã soạn một Tông huấn về việc Giáo Hội chăm lo người nghèo, đặt tựa đề Dilexi Te, như thể chính Đức Kitô nói với từng người nghèo câu này: “Người chỉ có ít quyền lực”, nhưng “Ta đã yêu thương người” (Kh 3,9). Tôi hân hoan tiếp nhận văn kiện này, thêm vào vài suy tư, và công bố vào đầu triều đại giáo hoàng của tôi, bởi tôi chia sẻ thao thức của Đức tiền nhiệm khả kính là mọi Kitô hữu hiểu sâu mỗi dây mật thiết giữa tình yêu của Đức Kitô và lời mời gọi chăm sóc người nghèo. Tôi cũng coi đây là con đường thánh thiện thiết yếu, vì “trong lời mời gọi nhận ra Người nơi người nghèo và người đau khổ, trái tim của Đức Kitô được tỏ bày, những tâm tình và chọn lựa sâu thẳm nhất của Người, mà mọi vị thánh đều cố gắng noi theo.”[3]

CHƯƠNG MỘT

MỘT VÀI LỜI CỐT YẾU

Các môn đệ chỉ trích người phụ nữ đã đổ dầu thơm quý giá trên đầu Đức Giêsu. Họ nói: “Sao hoang phí thế. Dầu thơm đó có thể bán được nhiều tiền

để cho người nghèo.” Nhưng Chúa đáp: “Người nghèo thì lúc nào các anh cũng có bên mình, còn Thầy, các anh không có Thầy mãi đâu” (Mt 26,8–9.11). Người phụ nữ ấy đã nhận ra nơi Đức Giêsu Đấng Mêsia khiêm hạ và đau khổ, Đấng mà chị có thể dâng trọn tình yêu. Biết bao an ủi mà việc xức dầu ấy đã đem đến cho chính cái đầu vài ngày nữa sẽ bị đội vòng gai. Dầu là một cử chỉ nhỏ, nhưng ai đau khổ đều biết một dấu yêu thương nhỏ bé cũng lớn lao biết chừng nào và có thể mang lại ủi an đến mức nào. Đức Giêsu hiểu điều ấy và nói rằng ký ức về cử chỉ của chị sẽ còn mãi: “Tin Mừng này được rao giảng bất cứ nơi nào trên khắp thế giới, thì việc chị vừa làm cũng sẽ được kể lại để nhớ tới chị” (Mt 26,13). Sự đơn sơ của cử chỉ ấy nói lên thật nhiều. Không một dấu yêu thương nào, dù nhỏ nhất, lại bị lãng quên, nhất là khi dành cho những ai đang đau khổ, cô đơn hay túng thiếu, như chính Chúa trong giờ phút ấy.

Tình yêu dành cho Chúa gắn liền với tình yêu dành cho người nghèo. Đức Giêsu, Đấng nói “Người nghèo lúc nào các anh cũng có bên mình” (Mt 26,11), cũng hứa với các môn đệ: “Thầy ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế” (Mt 28,20). Ta cũng nhớ lời Người: “Mỗi lần các ngươi làm như thế cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta đây, là các ngươi làm cho chính Ta” (Mt 25,40). Đây không chỉ là lòng tốt tự nhiên, nhưng là mạc khải. Tiếp xúc với những người hèn mọn và bất lực là con đường nền tảng để gặp gỡ Chúa Tế lịch sử. Nơi người nghèo, Người vẫn tiếp tục phán dạy chúng ta.

Thánh Phanxicô

Đức Phanxicô, khi giải thích việc chọn thánh hiệu, đã kể rằng sau ngày được bầu, một Hồng y bạn tiến lại ôm và hôn ngài, rồi nói: “Đừng quên người nghèo.”[4] Chính là lời khấn khỏa mà các vị lãnh đạo Hội Thánh đã nói với Thánh Phaolô khi ngài lên Giêrusalem để xác nhận sứ vụ của mình (x. Gl 2,1–10). Nhiều năm sau, Tông đồ vẫn có thể xác nhận rằng đó “là điều tôi vẫn thiết tha thực hiện” (Gl 2,10). Chăm lo người nghèo cũng là mối bận tâm lớn của Thánh Phanxicô Assisi. Nơi một người phong hủi, chính Đức Kitô đã ôm lấy Phanxicô và biến đổi đời ngài. Đến hôm nay, Thánh Phanxicô, Vị “Nghèo của Assisi”, vẫn thôi thúc chúng ta bằng gương sáng phi thường.

Tám thế kỷ trước, Thánh Phanxicô đã khơi dậy một cuộc canh tân Tin Mừng nơi các Kitô hữu và xã hội đương thời. Chàng Phanxicô giàu có và đầy tự tin đã bàng hoàng và hoán cải nhờ cuộc gặp gỡ trực tiếp với những người nghèo và bị loại trừ. Câu chuyện đời ngài vẫn chinh phục trí lòng của các tín hữu và cả nhiều người không tin. Nó “đã đổi hướng lịch sử.”[5] Công đồng Vaticanô II đã tiến thêm một bước trên cùng nẻo đường ấy. Thánh Phaolô VI nói rằng “dụ ngôn người Samari nhân hậu xưa kia đã trở thành khuôn mẫu cho linh đạo của Công đồng.”[6] Tôi xác tín rằng chọn lựa ưu tiên cho người

nghèo là nguồn canh tân phi thường cho cả Hội Thánh lẫn xã hội, miễn là chúng ta biết thoát khỏi vị kỷ và mở tai trước tiếng kêu của họ.

Tiếng kêu của người nghèo

Đoạn Kinh Thánh Chúa tỏ mình cho ông Môsê trong bụi gai cháy rực có thể luôn là điểm xuất phát: “Ta đã thấy rõ cảnh khổ cực của dân Ta bên Ai Cập, Ta đã nghe tiếng chúng kêu than vì bọn cai hành hạ. Phải, Ta biết các nỗi đau khổ của chúng. Ta xuống để giải thoát chúng... Vậy giờ đây, ngươi hãy đi, Ta sai ngươi” (Xh 3,7–8.10).[7] Như thế, Thiên Chúa tỏ mối bận tâm đối với nhu cầu của người nghèo: “Khi con cái Israel kêu lên Chúa, Người đã cho họ một vị giải cứu” (Tl 3,15). Khi lắng nghe tiếng kêu của người nghèo, chúng ta được mời bước vào trái tim của Thiên Chúa, Đấng luôn lo cho nhu cầu con cái mình, nhất là những ai thiếu thốn nhất. Nếu chúng ta làm ngơ, rất có thể người nghèo sẽ kêu lên Chúa chống lại chúng ta, và chúng ta mắc lỗi (x. Đnl 15,9), quay lưng với chính trái tim Thiên Chúa.

Thực trạng người nghèo là một tiếng kêu không ngừng thách đố đời sống chúng ta, xã hội, hệ thống chính trị và kinh tế, và cả Hội Thánh. Trên những gương mặt bị thương tích của người nghèo, ta thấy nỗi khổ của người vô tội, tức là nỗi khổ của chính Đức Kitô. Đồng thời, có lẽ ta nên nói đến nhiều gương mặt của người nghèo và của tình trạng nghèo, vì đây là hiện tượng đa diện. Có biết bao dạng nghèo: nghèo vì thiếu phương tiện sinh tồn vật chất, nghèo vì bị gạt bên lề xã hội nên không thể cất tiếng cho phẩm giá và khả năng của mình, nghèo luân lý và thiêng liêng, nghèo văn hóa, nghèo do yếu đuối hay mong manh cá nhân hoặc xã hội, nghèo vì không có quyền, không có chỗ đứng, không có tự do.

Theo nghĩa này, có thể nói cam kết đối với người nghèo và việc loại trừ các nguyên nhân xã hội cấu trúc gây nghèo đã được quan tâm hơn trong các thập niên gần đây, nhưng vẫn chưa đủ. Một phần cũng vì xã hội chúng ta thường ưu tiên những tiêu chí tổ chức đời sống và chính trị vốn đậm đặc bất bình đẳng. Do đó, bên cạnh những hình thức nghèo xưa cũ mà ta đã nhận diện và đang cố gắng chống lại, lại xuất hiện những hình thức nghèo mới, đôi khi tinh vi và nguy hại hơn. Ở bình diện này, cần trân trọng việc Liên Hiệp Quốc đặt mục tiêu xóa nghèo làm một trong các Mục tiêu Thiên niên kỷ.

Cam kết cụ thể với người nghèo cũng phải đi cùng với một thay đổi nào trạng có thể tác động trên bình diện văn hóa. Ảo tưởng hạnh phúc bắt nguồn từ đời sống tiện nghi xô đẩy nhiều người đến một cái nhìn lệch lạc, lấy tích lũy của cải và thành công xã hội bằng mọi giá làm trung tâm, kể cả bằng cách chà đạp người khác và lợi dụng các lý tưởng xã hội hay hệ thống chính trị kinh tế bất công ưu ái kẻ mạnh. Vì thế, trong một thế giới người nghèo ngày càng đông, ta lại thấy một tầng lớp tinh hoa giàu có sống trong bong bóng tiện nghi sang trọng, dường như thuộc về một thế giới khác so với người thường.

Điều ấy cho thấy một thứ văn hóa loại trừ vẫn còn tồn tại, đôi khi được che đậy khéo léo, đến mức thần nhiên dung túng cho hàng triệu người chết đói hay sống trong những điều kiện không xứng phẩm giá con người. Cách đây vài năm, bức ảnh một em bé vô hồn nằm trên bờ biển Địa Trung Hải đã gây chấn động. Tiếc thay, ngoài một vài tiếng kêu tức thời, những biến cố tương tự ngày càng bị xem nhẹ và bị đẩy ra lề tin tức.

Chúng ta không được buông lỏng cảnh giác trước tình trạng nghèo. Đặc biệt phải bận tâm trước cảnh thiếu lương thực và nước sạch của nhiều người. Ở các nước giàu, số người nghèo gia tăng cũng đáng lo. Tại châu Âu, ngày càng nhiều gia đình không thể trang trải cho đến cuối tháng. Nhìn chung, các dạng nghèo đang gia tăng, không còn là một thực tại đơn tuyến mà là nhiều dạng nghèo kinh tế và xã hội, phản ánh sự lan rộng của bất bình đẳng ngay cả trong những bối cảnh khá giả. Đừng quên rằng “đáng thương gấp bội là những phụ nữ phải chịu cảnh bị loại trừ, ngược đãi, bạo lực, vì họ thường ít có khả năng tự bảo vệ các quyền của mình. Tuy vậy, nơi họ, ta vẫn thường xuyên chứng kiến những tấm gương anh hùng hằng ngày trong việc bảo vệ và chở che gia đình mong manh.”[8] Dẫu có những chuyển biến đáng kể ở vài quốc gia, “tổ chức xã hội trên toàn thế giới vẫn còn xa mới phản ánh rõ ràng rằng phụ nữ có cùng phẩm giá và quyền lợi như nam giới. Miệng ta nói một đằng, nhưng quyết định và thực tế lại nói một nẻo,”[9] nhất là nếu nhìn vào số lượng phụ nữ thực sự sống trong cảnh bần cùng.

Định kiến ý thức hệ

Vượt lên các con số, vốn đôi khi bị “diễn giải” để thuyết phục chúng ta rằng tình cảnh người nghèo không quá nghiêm trọng, thực tế tổng quát lại rất hiển nhiên: “Một số quy tắc kinh tế đã tỏ ra hiệu quả cho tăng trưởng, nhưng không phục vụ phát triển nhân vị toàn diện. Cửa cải tăng lên, nhưng bất bình đẳng cũng tăng theo, đến nỗi ‘những hình thức nghèo mới xuất hiện.’ Lời khẳng định rằng thế giới hiện đại đã giảm nghèo là dựa vào cách đo lường nghèo theo các tiêu chí của quá khứ, không tương ứng với thực tại hôm nay. Chẳng hạn, trước đây thiếu điện không bị xem là dấu chỉ nghèo hay là nguồn khổ cực. Nghèo phải luôn được hiểu và đo lường trong bối cảnh các cơ hội thực tế của từng thời kỳ lịch sử.”[10] Vượt ra ngoài các bối cảnh riêng, một văn bản của Cộng đồng châu Âu năm 1984 đã định nghĩa: “‘Người nghèo’ là những cá nhân, gia đình, nhóm người có nguồn lực vật chất, văn hóa, xã hội quá hạn hẹp đến mức bị loại trừ khỏi mức sống tối thiểu chấp nhận được tại quốc gia thành viên nơi họ cư trú.”[11] Tuy nhiên, nếu ta nhìn nhận mọi người đều có cùng phẩm giá bất kể nơi sinh, thì không thể làm ngơ trước khoảng cách mênh mông giữa các quốc gia và vùng miền.

Người nghèo không phải do tình cờ hay do một định mệnh mù quáng và tàn nhẫn. Đối với đa số, nghèo không phải là một chọn lựa. Thế mà vẫn có

người dám quả quyết như thế, bộc lộ sự mù lòa và tàn nhẫn của chính họ. Quả thật, giữa người nghèo cũng có kẻ không muốn làm việc, có lẽ vì tổ tiên họ đã lao động cả đời mà vẫn chết trong nghèo khó. Nhưng cũng có biết bao người, đàn ông lẫn phụ nữ, làm việc từ tờ mờ đến đêm khuya, nhặt nhạnh phế liệu hoặc làm những việc tương tự, dầu biết công sức kia chỉ đủ giúp họ cầm cự, chứ khó thể cải thiện đời sống. Cũng không thể nói đa số người nghèo là do họ “không xứng đáng” được hơn, theo một quan niệm công trạng sai lạc chỉ nhìn thấy kẻ thành công là “xứng đáng”.

Chính các Kitô hữu cũng không ít lần bị chi phối bởi những thái độ nhuộm màu ý thức hệ thế tục hoặc những tiếp cận chính trị kinh tế dẫn đến khái quát thô thiển và kết luận sai lầm. Việc có người xem nhẹ hoặc chế giễu các hoạt động bác ái, như thế đó chỉ là nỗi ám ảnh của vài người chứ không phải là trái tim bùng cháy của sứ mạng Hội Thánh, càng thuyết phục tôi về nhu cầu trở về đọc lại Tin Mừng, kéo ta liều đánh đổi Tin Mừng lấy lối khôn ngoan đời này. Nếu muốn ở lại giữa dòng chảy lớn của đời sống Hội Thánh, phát sinh từ Tin Mừng và sinh hoa kết trái trong mọi thời mọi nơi, chúng ta không thể bỏ quên người nghèo.

CHƯƠNG HAI

THIÊN CHÚA CHỌN NGƯỜI NGHÈO

Chọn lựa dành cho người nghèo

Thiên Chúa là tình yêu xót thương. Kế hoạch yêu thương của Người, triển nở và nên trọn trong lịch sử, trước hết là cuộc hạ cố và đến ở giữa chúng ta để giải thoát khỏi nô lệ, sợ hãi, tội lỗi và quyền lực sự chết. Với cái nhìn xót thương và trái tim đầy yêu mến, Người quay về phía thụ tạo của mình và chăm lo tình trạng nghèo nàn của họ. Chính để chia sẻ những giới hạn mong manh của nhân tính, Người đã trở nên nghèo và sinh ra trong xác phàm như chúng ta. Chúng ta nhận biết Người trong sự bé nhỏ của Hài Nhi đặt nằm trong máng cỏ và trong tội đĩnh hạ mình trên thập giá, nơi Người chia sẻ sự nghèo tận căn của chúng ta là cái chết. Dễ hiểu vì sao chúng ta có thể nói theo thần học về một chọn lựa ưu tiên của Thiên Chúa dành cho người nghèo, một thuật ngữ phát sinh trong bối cảnh châu Mỹ Latinh, đặc biệt nơi Hội nghị Puebla, và đã được hội nhập tốt trong huấn quyền sau này.[12] “Ưu tiên” này không bao giờ mang nghĩa độc quyền hay kỳ thị bất cứ nhóm nào, điều đó không thể xảy ra nơi Thiên Chúa. Nó nhấn mạnh hành động của Ngài, xuất phát từ lòng xót thương trước sự nghèo và yếu đuối của toàn thể nhân loại. Muốn khai mở một Vương Quốc công lý, huynh đệ, liên đới, Thiên Chúa dành chỗ đặc biệt trong trái tim cho những ai bị kỳ thị và áp bức, và Người xin chúng ta, Hội Thánh của Người, đưa ra chọn lựa dứt khoát và tận căn nghiêng về phía những kẻ yếu nhất.

Với nhãn quan này, ta hiểu biết bao trang Cựu Ước trình bày Thiên Chúa là bạn hữu và Đấng giải phóng người nghèo, Đấng lắng nghe tiếng họ kêu và ra tay cứu thoát họ (x. Tv 34,7). Thiên Chúa, nơi nương ẩn của kẻ nghèo, qua miệng các ngôn sứ, đặc biệt là Amôs và Isaia, tố giác những bất công chống lại người yếu thế và kêu gọi Israel canh tân việc thờ phượng từ nội tâm, vì không thể cầu nguyện và dâng lễ tế trong khi áp bức kẻ bé mọn nghèo hèn. Ngay từ đầu Kinh Thánh, tình yêu của Thiên Chúa được biểu lộ sống động qua việc Ngài che chở kẻ yếu hèn nghèo khó đến mức có thể nói Ngài có một “tình thiên vị” dành cho họ. “Trái tim Thiên Chúa có chỗ đặc biệt cho người nghèo... Toàn bộ lịch sử cứu độ của chúng ta được đánh dấu bởi sự hiện diện của người nghèo.”[13]

Đức Giêsu, Đấng Mêsia nghèo

Lịch sử Cựu Ước về tình yêu ưu ái của Thiên Chúa dành cho người nghèo và sự sẵn sàng lắng nghe tiếng họ kêu, như tôi vừa phác họa, đạt đến viên mãn nơi Đức Giêsu Nadarét.[14] Nhờ Nhập Thể, “Người đã tự hạ, mang thân phận tôi đòi, trở nên giống phàm nhân” (Pl 2,7), và trong thân phận ấy, Người đã đem ơn cứu độ cho chúng ta. Sự nghèo của Người là tận căn, bắt nguồn từ sứ mạng mạc khải trọn vẹn tình yêu của Thiên Chúa dành cho chúng ta (x. Ga 1,18; 1 Ga 4,9). Thánh Phaolô diễn tả ngắn gọn mà sâu sắc: “Anh em biết Đức Giêsu Kitô Chúa chúng ta đã rộng ban ân sủng dường nào. Người vốn giàu sang, nhưng đã tự ý trở nên nghèo khó, để lấy cái nghèo của Người mà làm cho anh em trở nên giàu có” (2 Cr 8,9).

Tin Mừng cho thấy dấu ấn nghèo khó in hằn trên mọi nẻo đường đời Đức Giêsu. Vừa chào đời, Người đã nếm trải cay đắng của chối từ. Thánh Luca kể rằng Giuse và Maria, khi Mẹ gần ngày sinh, đến Bêlem, và “không có chỗ cho hai người trong nhà trọ” (Lc 2,7). Đức Giêsu sinh ra trong cảnh đơn sơ khiêm hạ và được đặt nằm trong máng cỏ, rồi để tránh lệnh sát hại, gia đình chạy trốn sang Ai Cập (x. Mt 2,13–15). Khởi đầu sứ vụ công khai, sau khi công bố trong hội đường Nadarét rằng nơi Người đã ứng nghiệm năm hồng ân đem Tin Mừng cho người nghèo, Người bị trục xuất khỏi thành (x. Lc 4,14–30). Người chết như một kẻ bị loại trừ, bị dẫn ra ngoài thành Giêrusalem để chịu đóng đinh (x. Mc 15,22). Quả vậy, nghèo của Đức Giêsu được mô tả rõ nhất như sự chia sẻ thân phận bị loại trừ của người nghèo. Người tỏ lộ đặc ân dành cho người nghèo nơi chính bản thân mình. Người xuất hiện như Đấng Mêsia nghèo, và là Đấng Mêsia của người nghèo, vì người nghèo.

Có vài chi tiết cho thấy thân phận xã hội của Đức Giêsu. Trước hết, Người làm thợ mộc, téktôn (x. Mc 6,3), hạng người sống bằng lao động tay chân. Không có đất đai, họ bị xếp dưới nông dân. Khi dâng Hài Nhi trong Đền Thờ, cha mẹ Người dâng đôi chim gáy hay bồ câu non (x. Lc 2,22–24), theo Lêvi 12,8 là lễ vật của người nghèo. Một chi tiết đáng lưu ý: Đức Giêsu cùng các

môn đệ bứt bông lúa mà ăn khi đi ngang cánh đồng (x. Mc 2,23–28). Chỉ người nghèo mới được phép mót lúa. Hơn nữa, Người nói về mình: “Con chồn có hang, chim trời có tổ, Con Người không có chỗ tựa đầu” (Mt 8,20; Lc 9,58). Người là Thầy giảng rày đây mai đó; nghèo khó và bấp bênh của Người là dấu chỉ mối dây gắn bó với Chúa Cha, và là điều kiện cho ai muốn bước theo Người trên đường môn đệ. Như thế, từ bỏ của cải, giàu sang, những bảo đảm trần thế, trở thành dấu chỉ hữu hình của sự phó thác vào Thiên Chúa và quan phòng của Ngài.

Khởi đầu sứ vụ, Đức Giêsu hiện diện trong hội đường Nadarét, đọc sách ngôn sứ Isaia và áp dụng vào bản thân: “Thần Khí Chúa ngự trên tôi, vì Chúa đã xức dầu tấn phong tôi để tôi loan báo Tin Mừng cho kẻ nghèo khó” (Lc 4,18; x. Is 61,1). Người tỏ mình là Đấng, ngay tại đây và bây giờ trong lịch sử, đem đến tình yêu gần gũi của Thiên Chúa, điều trước hết là công trình giải phóng cho những ai bị giam cầm bởi sự dữ, cho kẻ yếu đuối và nghèo hèn. Các dấu lạ đi kèm lời rao giảng là biểu hiện lòng yêu thương xót cảm của Thiên Chúa dành cho bệnh nhân, người nghèo, tội nhân, những người vì hoàn cảnh mà bị xã hội và cả cộng đồng đức tin gạt ra bên lề. Người mở mắt kẻ mù, chữa lành người phong, cho kẻ chết sống lại và loan Tin Mừng cho người nghèo: Thiên Chúa gần gũi, Thiên Chúa yêu thương bạn (x. Lc 7,22). Bởi thế, Người tuyên phúc: “Phúc cho anh em là những kẻ nghèo khó, vì Nước Thiên Chúa là của anh em” (Lc 6,20). Thiên Chúa thiên vị người nghèo. Lời hy vọng và giải phóng của Chúa trước tiên được gửi đến họ. Vậy nên, dù nghèo hay yếu đuối, không ai được coi mình bị bỏ rơi. Còn Hội Thánh, nếu muốn là Hội Thánh của Đức Kitô, thì phải là Hội Thánh của các Mối Phúc, biết dành chỗ cho kẻ bé mọn và cùng đi trong nghèo khó với người nghèo, một nơi mà người nghèo có vị trí ưu tiên (x. Gc 2,2–4).

Thời ấy, người túng thiếu và bệnh tật, thiếu thốn những điều tối cần, thường phải đi ăn xin. Họ còn mang thêm gánh nặng hổ thẹn xã hội vì người ta tin rằng bệnh tật và nghèo khó gắn liền với tội riêng. Đức Giêsu kiên quyết bác bỏ náo trạng ấy, khẳng định Thiên Chúa “làm cho mặt trời của Ngài mọc lên soi sáng kẻ xấu cũng như người tốt, và cho mưa rơi xuống trên người công chính cũng như kẻ bất chính” (Mt 5,45). Người còn đảo ngược hoàn toàn quan niệm ấy, như thấy nơi đoạn kết dụ ngôn phú hộ và anh Lagiarô: “Con ơi, suốt đời con, con đã nhận phần phúc của con rồi, còn Lagiarô thì những điều bất hạnh. Bây giờ anh ấy được an ủi nơi đây, còn con thì phải chịu khổ” (Lc 16,25).

Rõ ràng là “đức tin của chúng ta vào Đức Kitô, Đấng đã trở nên nghèo và luôn gần gũi người nghèo cùng kẻ bị loại trừ, là nền tảng cho mối bận tâm của chúng ta đối với sự phát triển toàn diện của những thành phần bị lãng quên nhất trong xã hội.”[15] Tôi thường tự hỏi, dù Kinh Thánh dạy rất minh bạch

về người nghèo, tại sao vẫn có nhiều người nghĩ rằng họ có thể yên tâm bỏ qua người nghèo. Giờ đây, ta tiếp tục suy niệm xem Kinh Thánh nói gì về tương quan của ta với người nghèo và vị trí thiết yếu của họ trong Dân Chúa.

Lòng xót thương đối với người nghèo trong Kinh Thánh

Thánh Gioan viết: “Ai không yêu người anh em mà họ trông thấy, thì không thể yêu Thiên Chúa mà họ không trông thấy” (1 Ga 4,20). Tương tự, khi trả lời câu hỏi của một kinh sư, Đức Giêsu trích lại hai điều răn xưa: “Người phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của người, hết lòng, hết linh hồn, hết sức” (Đnl 6,5), và “Người phải yêu người thân cận như chính mình” (Lv 19,18), rồi kết hiệp làm một giới răn duy nhất. Thánh Maccô thuật lại lời Người: “Điều răn đứng đầu là: Hỡi Israel, hãy nghe. Đức Chúa, Thiên Chúa chúng ta, là Đức Chúa duy nhất. Người phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của người, hết lòng, hết linh hồn, hết trí khôn, hết sức lực người. Điều răn thứ hai là: Người phải yêu người thân cận như chính mình. Chẳng có điều răn nào khác lớn hơn hai điều này” (12,29-31).

Đoạn Lêvi dạy yêu người thân cận, còn các bản văn khác đòi tôn trọng, thậm chí yêu thương cả kẻ thù: “Nếu gặp bò hay lừa của kẻ thù đi lạc, người phải đưa về cho nó. Nếu thấy lừa của kẻ ghét người quy xuống dưới gánh nặng, và người muốn tránh đi, thì cũng phải ra tay giúp nó” (Xh 23,4-5). Ở đây, giá trị nội tại của việc tôn trọng tha nhân được khẳng định rõ: bất cứ ai đang cần, dù là kẻ thù, cũng xứng đáng được ta trợ giúp.

Giáo huấn của Đức Giêsu về việc yêu mến Thiên Chúa trên hết được bổ túc bằng lời nhấn mạnh rằng không thể yêu Chúa nếu không mở rộng tình yêu đến người nghèo. Tình yêu dành cho tha nhân là bằng chứng hữu hình cho tính xác thực của tình yêu ta dành cho Thiên Chúa, như Thánh Gioan chứng nhận: “Chưa ai bao giờ thấy Thiên Chúa. Nếu chúng ta yêu thương nhau, thì Thiên Chúa ở lại trong chúng ta, và tình yêu của Người nên hoàn hảo nơi chúng ta... Thiên Chúa là Tình Yêu. Ai ở lại trong tình yêu thì ở lại trong Thiên Chúa, và Thiên Chúa ở lại trong người ấy” (1 Ga 4,12.16). Hai tình yêu ấy phân biệt nhưng bất khả tách rời. Ngay cả khi không nhắc đích danh Thiên Chúa, chính Chúa dạy rằng mọi hành động yêu thương tha nhân đều phản chiếu phần nào tình yêu Thiên Chúa: “Thật, Ta bảo thật các người, mỗi lần các người làm như thế cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta đây, là các người đã làm cho chính Ta” (Mt 25,40).

Vì thế, các việc bác ái được khuyến khích như dấu chỉ cho tính chân thật của việc thờ phượng. Khi ca ngợi Thiên Chúa, phụng tự còn nhằm mở lòng ta cho cuộc biến đổi mà Thánh Thần muốn thực hiện, để tất cả chúng ta trở nên hình ảnh của Đức Kitô và lòng xót thương của Người đối với kẻ yếu thế. Theo nghĩa ấy, tương quan của ta với Chúa được biểu lộ trong phụng tự cũng giúp ta thoát khỏi nguy cơ sống tương quan theo tính toán vụ lợi, để mở ra với sự

nhưng không vốn bao trùm những người biết yêu nhau, và vì thế, biết chia sẻ mọi sự. Về điều này, Đức Giêsu dạy: “Khi đãi tiệc, đừng mời bạn bè, anh em, bà con, hay láng giềng giàu có, kéo họ cũng mời lại, và như thế là được đáp lễ. Trái lại, khi đãi tiệc, hãy mời những người nghèo khó, tàn tật, què quặt, đui mù. Họ không có gì đáp lễ, và như thế, anh sẽ thật có phúc” (Lc 14,12-14).

Lời kêu gọi của Chúa thực thi lòng thương xót với người nghèo đạt tới cao điểm trong dụ ngôn cuộc phán xét chung (x. Mt 25,31-46). Dụ ngôn này có thể xem như bức tranh sống động về Mỗi Phúc dành cho người xót thương. Ở đó, Chúa trao vào tay ta chiếc chìa khóa để nên trọn vẹn trong đời. Thật vậy, “nếu chúng ta tìm kiếm sự thánh thiện đẹp lòng Thiên Chúa, bản văn này đưa ra một tiêu chuẩn rõ ràng trên đó chúng ta sẽ được phán xét.”[16] Lời của Tin Mừng minh bạch và mạnh mẽ cần được đem ra thực hành “không có bất cứ ‘nếu’ hoặc ‘nhưng’ nào làm giảm uy lực của chúng. Chúa chúng ta nói rất rõ, thánh thiện không thể hiểu hay sống tách khỏi những đòi hỏi ấy.”[17]

Nơi cộng đoàn Kitô hữu sơ khai, các việc bác ái không khởi đi từ những khảo sát hay kế hoạch tiền khả thi, nhưng phát sinh trực tiếp từ việc noi gương Đức Giêsu như Tin Mừng trình bày. Thư Gia-cô-bê nói khá nhiều về tương quan giữa giàu và nghèo, và đặt ra hai câu hỏi để các tín hữu xét xem đức tin của mình có thật không: “Thưa anh em, nào ích gì nếu có người nói mình có đức tin mà lại không hành động. Đức tin có thể cứu người ấy được không. Nếu có anh chị em nào không áo che thân, lại thiếu của ăn hằng ngày, mà có ai trong anh em nói: Chúc anh chị em đi bình an, mặc cho ấm, ăn cho no, nhưng lại không cho họ những gì thân xác cần, thì nào ích lợi gì. Cũng vậy, đức tin không có việc làm là đức tin chết” (2,14-17).

Thánh Gia-cô-bê viết tiếp: “Vàng bạc của anh em đã rỉ sét, và rỉ sét ấy sẽ tố cáo anh em. Nó sẽ ăn thịt anh em như lửa. Anh em đã tích trữ cho những ngày sau hết. Nay tiền công của thợ gặt ruộng của anh em mà anh em gian lận, đang kêu lên, và tiếng kêu của thợ gặt đã thấu đến tai Chúa các đạo binh. Anh em đã sống xa hoa và hưởng lạc ở trần gian. Anh em đã làm cho lòng mình béo mập trong ngày sát hạch” (5,3-5). Những lời thật mạnh mẽ, dù ta không muốn nghe. Lời kêu gọi tương tự có trong Thư thứ nhất của Gioan: “Ai có của cải thế gian mà thấy anh em mình lâm cảnh túng thiếu, lại chẳng động lòng thương, thì làm sao tình yêu của Thiên Chúa ở lại trong người ấy được” (3,17).

Sứ điệp của Lời Chúa “đã quá rõ ràng và trực tiếp, đơn sơ mà hùng hồn, nên không một diễn giải nào của Giáo Hội có quyền làm tương đối hóa. Suy tư của Giáo Hội trên các bản văn này không nhằm che mờ hay làm suy yếu sức mạnh của chúng, nhưng thúc bách chúng ta đón nhận các lời khuyên ấy với lòng can đảm và nhiệt thành. Sao lại phải làm phức tạp điều quá đơn giản. Các công cụ khái niệm hiện hữu để giúp ta chạm gần hơn đến thực tại mà chúng giải thích, chứ không phải để đưa ta xa rời thực tại ấy.”[18]

Quả thế, ta gặp một mẫu gương mang tính Hội Thánh rất sáng về việc chia sẻ của cải và chăm lo người nghèo trong đời sống hằng ngày của cộng đoàn Kitô hữu đầu tiên. Đặc biệt có thể nhớ đến cách giải quyết vấn đề phân phát hằng ngày cho các bà góa (x. Cv 6,1–6). Đây không phải là chuyện dễ, một phần vì vài bà góa là người từ nơi khác đến nên đôi khi bị bỏ quên do là người ngoại kiều. Thật vậy, trình thuật Sách Công vụ cho thấy nổi bất bình nơi nhóm Hylạp, tức những người Do Thái theo văn hóa Hy Lạp. Các Tông đồ không trả lời bằng những lời trù tượng, nhưng đặt đức ái lên trung tâm. Các ngài tổ chức lại việc trợ giúp cho các bà góa bằng cách mời cộng đoàn chọn những người khôn ngoan và có uy tín để ủy thác việc phân phát lương thực, còn các ngài chuyên lo việc giảng dạy Lời Chúa.

Khi Thánh Phaolô lên Giêrusalem để tham khảo ý kiến các Tông đồ, kéo “lỡ ra tôi chạy, hoặc đã chạy uống công” (Gl 2,2), ngài được nhắc “đừng quên người nghèo” (x. Gl 2,10). Vì vậy, ngài đã tổ chức nhiều cuộc lạc quyên để trợ giúp các cộng đoàn nghèo. Trong những lý do thúc đẩy Phaolô thực hiện cử chỉ này, nổi bật là điều này: “Thiên Chúa yêu kẻ vui lòng cho đi” (2 Cr 9,7). Lời Chúa nhắc những ai ít thiên về các cử chỉ rộng rãi vô vị lợi rằng, quảng đại với người nghèo thực ra còn mang lợi cho chính người cho: Thiên Chúa có một tình yêu đặc biệt dành cho họ. Thực vậy, Kinh Thánh đầy ắp những lời hứa dành cho người biết rộng rãi: “Ai có lòng thương kẻ nghèo là cho Chúa vay mượn, Chúa sẽ trả ơn người ấy” (Cn 19,17). “Hãy cho thì sẽ được cho lại... Anh em đong bằng đấu nào, thì Thiên Chúa cũng sẽ đong lại cho anh em bằng đấu ấy” (Lc 6,38). “Bấy giờ ánh sáng của người sẽ bừng lên như rạng đông và vết thương của người sẽ mau lành” (Is 58,8). Các Kitô hữu tiên khởi không hề nghi ngờ về những lời hứa ấy.

Đời sống của các cộng đoàn Hội Thánh đầu tiên, được mô tả trong các trang Kinh Thánh và được trao lại cho chúng ta như Lời mạc khải, vừa là gương mẫu để noi theo, vừa là chứng từ sống động về đức tin hoạt động nhờ đức ái và là nguồn cảm hứng bền bỉ cho các thế hệ mai sau. Bao thế kỷ qua, những trang ấy đã khuấy động tâm hồn các Kitô hữu để yêu thương và thi thố việc bác ái. Như những hạt giống phì nhiêu, chúng không ngừng sinh hoa kết quả dồi dào.

CHƯƠNG BA

MỘT GIÁO HỘI DÀNH CHO NGƯỜI NGHÈO

35. Ba ngày sau khi được bầu chọn, vị tiền nhiệm của tôi đã bày tỏ trước các đại diện truyền thông ước nguyện cho việc chăm sóc và quan tâm đến người nghèo hiện diện rõ ràng hơn trong Giáo Hội: “Tôi rất mong có một Giáo Hội nghèo và vì người nghèo.” [19]

36. Ước nguyện ấy phản ánh xác tín rằng Giáo Hội “nhận ra nơi những người nghèo và đau khổ hình ảnh của chính Đấng sáng lập nghèo khó và chịu

đau khổ của mình.” [20] Thật vậy, vì Giáo Hội được mời gọi đồng hoá với những người bé mọn nhất, nên nơi cốt lõi của mình “không thể có chỗ cho nghi ngờ hoặc cho những cách giải thích làm suy yếu một sứ điệp rõ ràng như thế. Chúng ta phải tuyên bố, không quanh co, rằng giữa đức tin của chúng ta và người nghèo có một mối dây liên kết bất khả phân.” [21] Về điểm này, chúng ta có vô số chứng nhân là các môn đệ của Đức Kitô trải dài gần hai ngàn năm. [22]

Kho tàng đích thực của Giáo Hội

37. Thánh Phaolô thuật lại rằng trong hàng ngũ tín hữu của cộng đoàn Kitô giáo sơ khai không có nhiều người “khôn ngoan theo lối người phàm, không nhiều người quyền thế, cũng không nhiều người xuất thân cao quý” (1 Cr 1,26). Tuy nhiên, dù nghèo khó, các Kitô hữu tiên khởi ý thức rất rõ nhu cầu chăm lo cho những người túng thiếu nhất. Ngay từ buổi bình minh của Kitô giáo, các Tông đồ đã đặt tay trên bảy người được chọn trong cộng đoàn. Ở một mức độ nào đó, các ngài cho họ tham dự vào tác vụ của mình, thiết lập họ để phục vụ, theo tiếng Hy Lạp là diakonía, dành cho những người nghèo khổ nhất (xem Cv 6,1-5). Thật ý nghĩa khi môn đệ đầu tiên làm chứng cho đức tin vào Đức Kitô đến độ đổ máu là Stêphanô, người thuộc nhóm bảy này. Nơi ngài, chúng tá chăm sóc người nghèo và chúng tá tử đạo được kết hợp làm một.

38. Chưa đầy hai thế kỷ sau, một phó tế khác là Thánh Laurensô sẽ bày tỏ lòng trung thành với Đức Giêsu Kitô theo cách tương tự, kết hiệp chúng tá tử đạo với việc phục vụ người nghèo. [23] Theo lời kể của Thánh Ambrôsiô, Laurensô là phó tế tại Rôma thời giáo triều Đức Giáo hoàng Sixtô II, đã bị nhà cầm quyền Rôma buộc phải nộp các kho tàng của Giáo Hội. “Ngày hôm sau, ngài dẫn theo những người nghèo. Khi bị hỏi kho tàng đã hứa ở đâu, ngài chỉ vào người nghèo và nói, ‘Đây là kho tàng của Giáo Hội.’” [24] Khi thuật lại biến cố này, Thánh Ambrôsiô hỏi: “Chúa Giêsu có kho tàng nào quý hơn những con người nơi đó Người muốn tỏ mình.” [25] Và nhớ lại rằng các thừa tác viên của Giáo Hội không bao giờ được lơ là việc chăm sóc người nghèo, càng không được tích trữ của cải cho lợi ích riêng, ngài nói: “Công việc này phải được thi hành với đức tin chân thành và sự khôn ngoan thấu đáo. Chắc chắn, nếu ai tìm lợi riêng từ đó thì là phạm tội. Nhưng nếu người ấy phân phát lợi khoản cho người nghèo hoặc chuộc một người bị giam cầm, thì người ấy đang thực thi một việc thương xót.” [26]

Các Giáo phụ và người nghèo

39. Ngay từ những thế kỷ đầu, các Giáo phụ đã nhận ra nơi người nghèo một con đường đặc ân để đến với Thiên Chúa, một cách thể đặc biệt để gặp gỡ Người. Đức ái thực thi cho những người túng thiếu không chỉ được xem như một nhân đức luân lý, mà là biểu hiện cụ thể của đức tin vào Ngôi Lời

Nhập Thể. Cộng đoàn tín hữu, được sức mạnh của Chúa Thánh Thần nâng đỡ, đã bén rễ trong việc gần gũi người nghèo, những người được xem không phải là “phần phụ” nhưng là thành phần thiết yếu của Thân Thể sống động của Đức Kitô. Chẳng hạn, trên đường tiến ra pháp trường, Thánh Inhaxiô Antiôkia khuyên cộng đoàn Smyrna đừng bỏ bê bốn phận thi hành các việc bác ái cho những người túng thiếu nhất, và cảnh báo họ đừng cư xử như những kẻ chống lại Thiên Chúa: “Hãy xem những ai có quan điểm khác về ân sủng của Đức Kitô đã đến với chúng ta, họ trái nghịch với ý muốn của Thiên Chúa biết bao. Họ không lưu tâm đến tình yêu, không quan tâm đến goá phụ, đến trẻ mồ côi, đến người bị áp bức, đến nô lệ hay người tự do, đến kẻ đói hay người khát.” [27] Thánh Polycarp, Giám mục Smyrna, nói rõ rằng các linh mục trong Giáo Hội phải chăm lo người nghèo: “Các linh mục hãy biết xót thương và nhân hậu với mọi người, đưa kẻ lầm lạc trở về, thăm viếng hết thảy những người đau yếu, đừng lơ là với goá phụ, với mồ côi hay người nghèo, nhưng luôn ‘liệu làm những điều tốt đẹp trước mặt Thiên Chúa và loài người’.” [28] Từ hai chứng từ này, ta thấy Giáo Hội hiện lên như người mẹ của kẻ nghèo, như nơi đón tiếp và thực thi công bình.

40. Về phần mình, Thánh Giustinô đã gửi Khẩn Nguyên Thư Thứ Nhất lên Hoàng đế Adrianô, Thượng viện và dân Rôma, giải thích rằng các Kitô hữu dâng góp tất cả những gì có thể cho người túng thiếu vì họ nhìn thấy nơi họ những người anh chị em trong Đức Kitô. Khi viết về cộng đoàn quy tụ cầu nguyện ngày thứ nhất trong tuần, ngài nhấn mạnh rằng tại trung tâm của phụng vụ Kitô giáo, không thể tách rời việc thờ phượng Thiên Chúa khỏi mối bận tâm dành cho người nghèo. Vì thế, vào một thời điểm trong cử hành: “những ai khá giả và tự nguyện thì dâng góp theo ý mỗi người, của quyên góp được trao cho vị chủ sự, và ngài trợ giúp kẻ mồ côi, người goá, những ai túng thiếu vì bệnh tật hay vì bất cứ lý do nào khác, những người bị xiềng xích, khách lạ đang trú ngụ giữa chúng tôi, nói tắt là chăm sóc hết thảy những người cần được trợ giúp.” [29] Điều này cho thấy Giáo Hội sơ khai không tách niềm tin khỏi hành động xã hội. Đức tin không có chứng tá bằng những việc làm cụ thể thì bị coi là chết, như Thánh Gia-cô-bê đã dạy chúng ta (xem Gc 2,17).

Thánh Gioan Kim Khẩu

41. Trong hàng ngũ các Giáo phụ Đông phương, có lẽ nhà giảng thuyết nhiệt thành nhất về công bình xã hội là Thánh Gioan Kim Khẩu, Tổng Giám mục Constantinopolis vào cuối thế kỷ thứ tư sang đầu thế kỷ thứ năm. Trong các bài giảng, ngài khuyên nhủ các tín hữu nhận ra Đức Kitô nơi những người túng thiếu: “Bạn muốn tôn kính Thân Thể Đức Kitô sao. Đừng để Thân Thể ấy bị khinh rẻ nơi các chi thể của Người, nghĩa là nơi người nghèo không có áo che thân. Đừng tôn kính Thân Thể Đức Kitô trong nhà thờ bằng gấm vóc lụa

là, còn bên ngoài lại bỏ mặc Thân Thể ấy đang rét buốt trần trụi. Thân Thể Đức Kitô trên bàn thờ không cần áo choàng, nhưng cần những tâm hồn tinh sạch, còn Thân Thể của Người ngoài kia thì cần được chăm sóc thật nhiều. Vậy chúng ta hãy học biết nghĩ về Đức Kitô và tôn kính Người theo ý Người muốn. Sự tôn kính đẹp lòng nhất là thực thi điều chính Người ước muốn, chứ không phải điều chúng ta tự bày ra. Vì thế, bạn cũng hãy dâng cho Người sự tôn kính Người truyền dạy, và để cho người nghèo hưởng phần từ của cải của bạn. Thiên Chúa không cần chén vàng, mà cần những tâm hồn bằng vàng.” [30] Và với lời lẽ minh bạch, ngài khẳng quyết rằng nếu tín hữu không gặp Đức Kitô nơi người nghèo đang đứng ngoài cửa, thì họ cũng không thể thờ phượng Người ngay cả tại bàn thờ. Ngài tiếp: “Đức Kitô được ích gì nếu bàn hy tế chất đầy chén đĩa bằng vàng, còn chính Người thì chết đói nơi con người của kẻ nghèo. Hãy nuôi kẻ đói trước, rồi sau đó mới trang hoàng bàn thờ bằng phần còn lại.” [31] Vì thế, ngài hiểu Thánh Thể là diễn tả bí tích của đức ái và công bình, những điều đi trước và đồng hành với Thánh Thể. Chính đức ái và công bình ấy phải tiếp nối Thánh Thể bằng tình yêu và sự chăm lo dành cho người nghèo.

42. Do đó, bác ái không phải là điều tùy chọn, nhưng là một đòi hỏi của việc thờ phượng chân thật. Thánh Kim Khẩu mạnh mẽ lên án sự giàu có quá mức gắn liền với thái độ dửng dưng trước người nghèo. Sự quan tâm dành cho họ không chỉ là một yêu cầu xã hội, mà còn là điều kiện để được cứu độ, biến của cải bất chính thành một yếu tố kết án. “Trời giá lạnh, còn người nghèo thì nằm co ro trong giẻ rách, hấp hối, run rẩy, hình hài và y phục khiến ai cũng phải động lòng. Thế mà bạn, mặt đỏ gay và say sưa, lại thản nhiên bước qua. Vậy bạn còn mong Thiên Chúa cứu bạn khỏi tai họa sao. Bạn thường điểm trang cho một xác chết vô tri, kẻ chẳng còn biết vinh dự là gì, bằng vô số y phục mạ vàng đủ loại, còn người đang cảm thấy đau đớn, bị xé nát, bị giày vò vì đói rét thì bạn khinh rẻ.” [32] Cảm thức công bình xã hội sâu xa ấy đưa ngài đến tuyên bố rằng “không cho người nghèo là ăn trộm của họ, là tước đoạt mạng sống họ, bởi những gì chúng ta có thuộc về họ.” [33]

Thánh Âu Tinh

43. Vị hướng dẫn thiêng liêng của Thánh Âu Tinh là Thánh Ambrôsiô, người luôn nhấn mạnh đòi hỏi luân lý phải chia sẻ của cải vật chất: “Điều bạn trao cho người nghèo không phải là của bạn, nhưng là của họ. Tại sao bạn chiếm đoạt điều được ban cho công ích.” [34] Đối với vị Giám mục Milano, việc bố thí là công lý được phục hồi, chứ không phải cử chỉ gia ân từ trên xuống. Trong giảng huấn của ngài, lòng thương xót mang chiều kích ngôn sứ. Ngài mạnh mẽ phê phán những cơ cấu tích trữ của cải và tái khẳng định hiệp thông như ơn gọi của Giáo Hội.

44. Được đào luyện trong truyền thống này, vị Giám mục thánh thiện của Hippo đã dạy về tình yêu ưu tiên dành cho người nghèo. Là mục tử tỉnh thức và là nhà thần học có cái nhìn sắc sảo, ngài nhận ra rằng hiệp thông Giáo Hội đích thực còn được biểu lộ trong sự hiệp thông về của cải. Trong các Chú giải Thánh Vịnh, ngài nhắc chúng ta rằng Kitô hữu chân chính không lơ là tình yêu đối với những người túng thiếu nhất: “Khi quan sát anh chị em mình, bạn sẽ biết họ có đang thiếu thốn hay không, và nếu Đức Kitô ở trong bạn, hãy mở lòng bác ái cả với khách lạ.” [35] Việc chia sẻ của cải như thế phát xuất từ đức ái mang chiều kích thần học và quy hướng tối hậu về tình yêu Đức Kitô. Đối với Âu Tinh, người nghèo không chỉ là những người cần trợ giúp, mà còn là sự hiện diện mang tính bí tích của Chúa.

45. Vị Tiến sĩ Ân Sủng coi việc chăm lo người nghèo như bằng chứng cụ thể cho sự chân thành của đức tin. Ai nói mình yêu mến Thiên Chúa mà không có lòng trắc ẩn với người túng thiếu thì là nói dối (xem 1 Ga 4,20). Khi chú giải cuộc gặp gỡ giữa Đức Giêsu với người thanh niên giàu có và “kho tàng trên trời” dành cho ai phân phát của cải cho người nghèo (xem Mt 19,21), Âu Tinh đặt những lời sau đây vào miệng Chúa: “Ta nhận đất, Ta sẽ ban trời. Ta nhận những của cải tạm bợ, Ta sẽ hoàn lại những phúc lộc muôn đời. Ta nhận bánh, Ta sẽ ban sự sống. Ta được tiếp đón, Ta sẽ ban một mái nhà. Ta được thăm khi đau yếu, Ta sẽ ban sức khoẻ. Ta được viếng nơi ngục tù, Ta sẽ ban tự do. Tám bánh người trao cho người nghèo của Ta đã được dùng hết, còn tám bánh Ta ban sẽ không những bổ dưỡng người, mà còn chẳng bao giờ vơi cạn.” [36] Đấng Toàn Năng không bao giờ chịu thua về lòng quảng đại đối với những ai phục vụ những người túng thiếu nhất. Yêu người nghèo càng nhiều thì phần thưởng từ Thiên Chúa càng lớn.

46. Cái nhìn đặt trọng tâm nơi Đức Kitô và đậm nét tính Giáo Hội này dẫn chúng ta đến khẳng định rằng của dâng, khi phát xuất từ tình yêu, thì không chỉ làm vơi bớt nhu cầu của anh chị em mình, mà còn thanh luyện lòng người trao tặng nếu họ sẵn sàng đổi mới đời sống. Thật thế, theo lời của vị gọi là Pseudo Âu Tinh: “Việc bố thí có thể hữu ích cho bạn trong việc xoá bỏ các tội đã qua, với điều kiện bạn đã sửa đổi đường nẻo của mình.” [37] Có thể nói, đó là con đường sám hối thông thường cho những ai muốn theo Đức Kitô với một lòng không chia sẻ.

47. Trong một Giáo Hội nhận ra dung nhan Đức Kitô nơi người nghèo và xem của cải vật chất như khí cụ của đức ái, tư tưởng của Thánh Âu Tinh vẫn là ánh sáng chắc chắn. Hôm nay, trung tín với giáo huấn của ngài không chỉ đòi ta học hỏi trước tác, mà còn mời gọi ta sẵn sàng sống triệt để lời kêu gọi hoán cải, điều tất yếu bao gồm việc thực thi đức ái.

48. Nhiều Giáo phụ khác, Đông phương cũng như Tây phương, đã nói về tính ưu tiên của việc quan tâm đến người nghèo trong đời sống và sứ mạng

của mỗi Kitô hữu. Từ viễn tượng này, có thể tóm lại rằng thần học thời các Giáo phụ mang tính thực hành, nhắm đến một Giáo Hội nghèo và vì người nghèo, nhắc rằng Tin Mừng chỉ được công bố đúng đắn khi thúc bách chúng ta chạm vào xác thịt của những người bé mọn nhất, và cảnh báo rằng sự nghiêm nhặt tín lý mà thiếu lòng thương xót thì chỉ là lời nói rỗng.

Chăm sóc người bệnh

49. Lòng trắc ẩn Kitô giáo được tỏ hiện cách đặc biệt trong việc chăm sóc người bệnh và người đau khổ. Dựa trên những dấu chỉ xuất hiện trong sứ vụ công khai của Đức Giêsu, như chữa lành người mù, người phong, người bại liệt, Giáo Hội hiểu rằng chăm sóc bệnh nhân, nơi họ Giáo Hội dễ dàng nhận ra Chúa chịu đóng đinh, là một phần quan trọng trong sứ mạng của mình. Trong một trận dịch ở Carthage, nơi ngài làm Giám mục, Thánh Cyprianô đã nhắc các Kitô hữu tầm quan trọng của việc chăm sóc người bệnh: “Dịch hạch này, tai ương này, vốn đáng kinh sợ và chết chóc, đang khảo hạch sự công chính của từng người, và dò xét tâm trí của cả nhân loại, để xem người khoẻ mạnh có phục vụ người đau yếu hay không, họ hàng có thực lòng yêu thương nhau hay không, chủ có biết xót thương các đầy tớ đang bệnh hay không, thầy thuốc có bỏ rơi bệnh nhân đang nài xin cứu giúp hay không.” [38] Truyền thống Kitô giáo về việc thăm viếng bệnh nhân, rửa sạch vết thương, an ủi những người sầu khổ không chỉ là nỗ lực nhân đạo, nhưng là một hành vi thuộc về Giáo Hội, nơi đó các phần tử của Giáo Hội “chạm vào xác thịt đang chịu đau khổ của Đức Kitô.” [39]

50. Vào thế kỷ mười sáu, Thánh Gioan Thiên Chúa lập Dòng Bệnh Viện mang tên ngài, xây dựng những bệnh viện mẫu mực đón tiếp mọi người bất kể địa vị xã hội hay kinh tế. Câu nói nổi tiếng của ngài, “Hỡi anh em, hãy làm điều thiện,” đã trở thành châm ngôn cho đức ái năng động đối với bệnh nhân. Cùng thời, Thánh Camillô de Lellis lập Dòng Tôi Tớ Bệnh Nhân, gọi là Dòng Camillô, đảm nhận sứ mạng phục vụ người bệnh với trọn vẹn tận tụy. Luật dòng dạy: “Mỗi người hãy xin Chúa ban cho mình một tình yêu như của người mẹ đối với tha nhân, để chúng ta có thể phục vụ họ với tất cả đức ái, cả hồn lẫn xác, vì nhờ ơn Chúa, chúng ta ước muốn phục vụ mọi bệnh nhân với tình cảm mà một người mẹ yêu thương dành cho đứa con duy nhất đang đau ốm.” [40] Tại bệnh viện, trên chiến trường, trong ngục tù và trên đường phố, các tu sĩ Camillô đã hiện thân lòng xót thương của Chúa Giêsu Thầy Thuốc.

51. Khi chăm sóc người bệnh với tình mẫu tử như mẹ chăm con, rất nhiều nữ tu đã giữ vai trò còn lớn hơn nữa trong việc cung cấp dịch vụ y tế cho người nghèo. Nữ Tử Bác Ái của Thánh Vinh Sơn Phaolô, các Nữ Tu Bệnh Viện, các Nữ Tu Tiểu Muội Quan Phòng cùng nhiều hội dòng nữ khác đã trở nên hiện diện mẫu tử và âm thầm trong các bệnh viện, nhà dưỡng lão và viện an dưỡng. Các ngài mang đến sự ủi an, đôi tai biết lắng nghe, một sự hiện diện

và trên hết là sự dịu dàng. Các ngài xây dựng, nhiều khi bằng chính đôi tay của mình, những cơ sở y tế ở những nơi thiếu thốn dịch vụ y khoa. Các ngài dạy vệ sinh, trợ sinh, cấp phát thuốc men với sự khôn ngoan tự nhiên và niềm tin sâu xa. Nhà của các ngài trở thành ốc đảo phẩm giá, nơi không ai bị loại trừ. Cái chạm của lòng trắc ẩn là liều thuốc đầu tiên. Thánh Louise de Marillac đã viết cho các chị em Nữ Tử Bác Ái, nhắc rằng “họ đã được Thiên Chúa đặc biệt chúc phúc để phục vụ những người nghèo đau bệnh trong các bệnh viện.” [41]

52. Hôm nay, di sản ấy tiếp tục nơi các bệnh viện Công giáo, các cơ sở y tế ở vùng xa xôi, các phòng khám hoạt động giữa rừng, các mái ấm cho người nghiện và những bệnh xá dã chiến ở vùng chiến sự. Sự hiện diện Kitô giáo giữa những người bệnh tỏ lộ rằng ơn cứu độ không phải là khái niệm trừu tượng, nhưng là hành động cụ thể. Khi băng bó một vết thương, Giáo Hội công bố rằng Nước Thiên Chúa khởi sự giữa những người dễ bị tổn thương nhất. Làm như thế, Giáo Hội trung tín với Đấng đã nói, “Ta đau yếu, các ngươi đã thăm nom” (Mt 25,36). Khi Giáo Hội quỳ bên một người cùi, một trẻ em suy dinh dưỡng hoặc một người sắp qua đời vô danh, Giáo Hội chu toàn ơn gọi sâu xa nhất của mình, đó là yêu mến Chúa nơi chỗ Người bị biến dạng nhiều nhất.

Chăm sóc người nghèo trong đời sống đan tu

53. Đời sống đan tu, khai sinh trong thinh lặng của sa mạc, ngay từ đầu đã là chứng tá cho tình liên đới. Các đan sĩ nam nữ từ bỏ tất cả, của cải, địa vị, gia đình, không chỉ vì khinh chê của cải trần thế, theo nghĩa contemptus mundi, nhưng còn để gặp gỡ Đức Kitô nghèo khó nhờ việc từ bỏ triệt để ấy. Thánh Basiliô Cả, trong Luật Dòng của ngài, không thấy mâu thuẫn giữa đời sống cầu nguyện và chiêm niệm với lao công vì người nghèo. Theo ngài, lòng hiếu khách và việc chăm sóc người túng thiếu là phần không thể thiếu của linh đạo đan tu. Các đan sĩ, dầu đã bỏ mọi sự để embrace đời sống khó nghèo, vẫn phải trợ giúp những người nghèo nhất bằng chính công khó của mình, vì “để có đủ mà giúp đỡ người túng thiếu, rõ ràng là chúng ta phải siêng năng làm việc. Lối sống này hữu ích không chỉ để rèn luyện thân xác, mà còn để thực thi đức ái đối với tha nhân, để qua chúng ta Thiên Chúa cung cấp đủ cho các anh chị em yếu đuối hơn.” [42]

54. Tại Xêdarê, nơi ngài làm Giám mục, Thánh Basiliô xây dựng một quần thể gọi là Basiliad, gồm nhà ở, bệnh viện và trường học cho người nghèo và bệnh tật. Vì thế, đan sĩ không chỉ là người khổ hạnh, mà còn là người phục vụ. Ngài cho thấy rằng muốn gần Thiên Chúa thì phải gần người nghèo. Tình yêu cụ thể là tiêu chuẩn của sự thánh thiện. Cầu nguyện và chăm sóc, chiêm niệm và chữa lành, trước tác và đón tiếp, tất cả đều là biểu hiện của cùng một tình mến Đức Kitô.

55. Ở Tây phương, Thánh Biển Đức Nursia soạn một Tu Luật trở thành xương sống cho linh đạo đan tu châu Âu. Việc đón tiếp người nghèo và lữ khách chiếm vị trí nổi bật trong văn kiện này: “Người nghèo và lữ khách phải được đón tiếp với tất cả sự cẩn trọng và lòng hiếu khách, vì chính nơi họ Đức Kitô được đón nhận.” [43] Đây không chỉ là lời nói. Suốt nhiều thế kỷ, các đan viện Biển Đức là nơi nung nấu cho các goá phụ, trẻ bị bỏ rơi, lữ khách và người hành khất. Đối với Biển Đức, đời sống cộng đoàn là trường học của đức ái. Lao động chân tay không chỉ có chức năng thực dụng, mà còn đào luyện con tim phục vụ. Việc chia sẻ trong cộng đoàn, chăm sóc bệnh nhân và lắng nghe người yếu thế giúp chuẩn bị tâm hồn đón Đức Kitô, Đấng đến trong dung mạo người nghèo và người xa lạ. Ngày nay, lòng hiếu khách đan tu theo tinh thần Biển Đức vẫn là dấu chỉ của một Giáo Hội mở rộng cửa, đón tiếp không đặt điều kiện và chữa lành không đòi đáp trả.

56. Theo thời gian, các đan viện Biển Đức trở thành nơi vượt thắng văn hoá loại trừ. Các đan sĩ nam nữ canh tác đất đai, sản xuất lương thực, bào chế dược liệu và quảng đại trao tặng cho những người cần đến. Lao động thầm lặng của họ là men dậy cho một nền văn minh mới, nơi người nghèo không phải là vấn đề để giải quyết, mà là anh chị em để đón nhận. Quy tắc chia sẻ, cộng tác và trợ giúp người dễ tổn thương đã hình thành một nền kinh tế liên đới, đối nghịch với náo trạng tích lũy. Chứng tá của các đan sĩ cho thấy khó nghèo tự nguyện không phải là khổn cùng, nhưng là con đường tự do và hiệp thông. Họ không chỉ giúp người nghèo, họ trở thành người thân cận, là anh chị em trong cùng một Chúa. Nơi các phòng nhỏ và hành lang đan viện, họ kiến tạo một huyền nhiệm về sự hiện diện của Thiên Chúa nơi những bé mọn.

57. Ngoài việc trợ giúp vật chất, các đan viện còn đóng vai trò nền tảng trong việc hình thành văn hoá và đời sống thiêng liêng cho người khiêm hạ nhất. Trong những thời kỳ dịch bệnh, chiến tranh, đói kém, đan viện là nơi người thiếu thốn tìm được bánh và thuốc, nhưng cũng tìm được phẩm giá và tiếng nói. Ở đó, trẻ mồ côi được giáo dục, thợ tập được đào tạo, người dân thường học kỹ thuật canh tác và học đọc. Tri thức được chia sẻ như một ân ban và một trách nhiệm. Viện phụ vừa là thầy vừa là cha, và trường đan viện là nơi con người được tự do nhờ chân lý. Quả thật, như Gioan Cassianô viết, đan sĩ phải được ghi dấu bởi “khiêm tốn trong lòng, điều dẫn tới không phải thứ tri thức làm kiêu căng, nhưng thứ tri thức chiếu sáng nhờ trọn vẹn đức ái.” [44] Bằng việc đào luyện lương tâm và truyền đạt khôn ngoan, các đan sĩ đóng góp vào một nền sư phạm Kitô giáo của sự bao gồm. Văn hoá được đức tin thấm nhuần được chia sẻ bằng sự đơn sơ. Tri thức được đức ái soi sáng trở thành phục vụ. Đời sống đan tu vì thế tỏ lộ mình như một lối nên thánh và một cách thể cụ thể để đổi mới xã hội.

58. Truyền thống đan tu dạy chúng ta rằng cầu nguyện và đức ái, thỉnh lặng và phục vụ, phòng riêng và bệnh viện tạo thành một bức dệt thiêng liêng duy nhất. Đan viện là nơi lắng nghe và hành động, là nơi thờ phượng và sẻ chia. Thánh Bernardô Clairvaux, nhà canh tân lớn của dòng Xitô, “kiên quyết nhắc lại nhu cầu về một đời sống tiết độ và đoan trang, trong nhà ăn cũng như nơi y phục và kiến trúc đan tu, đồng thời khuyến khích nâng đỡ và chăm sóc người nghèo.” [45] Đối với ngài, lòng trắc ẩn không phải chọn lựa thêm, nhưng là con đường thật sự của việc theo Đức Kitô. Vì thế, nếu trung tín với ơn gọi ban đầu, đời sống đan tu cho thấy Giáo Hội chỉ thật là Hiền Thê của Chúa khi Giáo Hội cũng là người chị em của kẻ nghèo. Đan viện không chỉ là chốn ẩn dật khỏi thế gian, nhưng là trường học để phục vụ thế gian tốt hơn. Nơi nào các đan sĩ mở cửa cho người nghèo, nơi đó Giáo Hội khiêm tốn mà kiên vững tỏ bày rằng chiêm niệm không loại trừ lòng thương xót, trái lại còn đòi hỏi lòng thương xót như hoa trái tinh tuyền nhất của mình.

Giải phóng người bị giam cầm

59. Từ thời các Tông đồ, Giáo Hội đã nhìn việc giải phóng những người bị áp bức như một dấu chỉ của Nước Thiên Chúa. Chính Đức Giêsu, vào đầu sứ vụ công khai của mình, đã công bố: “Thần Khí Chúa ngự trên tôi, vì Chúa đã xức dầu tấn phong tôi để tôi loan báo Tin Mừng cho kẻ nghèo khó. Người đã sai tôi đi công bố cho kẻ bị giam cầm biết họ được tha, cho người mù biết họ được sáng mắt” (Lc 4,18). Ngay trong những hoàn cảnh bấp bênh, các Kitô hữu tiên khởi đã cầu nguyện và trợ giúp các anh chị em bị giam cầm của mình, như sách Công vụ Tông đồ chứng thực và như nhiều trước tác của các Giáo phụ cho thấy. Sứ mạng giải phóng này đã tiếp diễn qua các thế kỷ bằng những hành động cụ thể, đặc biệt trong những thời kỳ mà thảm kịch nô lệ và cầm tù đã in dấu trên cả xã hội.

60. Từ cuối thế kỷ mười hai đến đầu thế kỷ mười ba, khi nhiều Kitô hữu bị bắt ở vùng Địa Trung Hải hoặc bị bắt làm nô lệ trong các cuộc chiến, đã xuất hiện hai hội dòng: Dòng Chí Thánh Ba Ngôi và Giải Cứu Tù Nhân, do Thánh Gioan de Matha và Thánh Felix de Valois sáng lập, và Dòng Đức Mẹ Nhân Lành, tức Mercedaria, do Thánh Phêrô Nolasco thành lập với sự nâng đỡ của Thánh Raimundô de Peñafort, tu sĩ Dòng Đa Minh. Các cộng đoàn thánh hiến này ra đời với đặc sủng chuyên biệt là giải phóng các Kitô hữu bị bắt làm nô lệ, họ đặt chính của cải mình phục vụ cho những người bị nô dịch và nhiều lần hiến cả mạng sống để đổi lấy tự do cho họ. Trinitariô với châm ngôn Gloria tibi Trinitas et captivis libertas nghĩa là Vinh quang cho Ba Ngôi và tự do cho kẻ bị giam cầm, và Mercedaria với lời khẩn thứ tư được thêm vào ba lời khẩn khó nghèo, khiết tịnh và vâng phục, làm chứng rằng đức ái có thể đạt tới mức anh hùng. Việc giải phóng tù nhân là biểu lộ của tình yêu Ba Ngôi Thiên Chúa, Đấng giải thoát không chỉ khỏi ách nô lệ thiêng liêng mà còn

khỏi những áp bức cụ thể. Hành vi cứu một người khỏi cảnh nô lệ và giam cầm được xem như nổi dài hy tế cứu chuộc của Đức Kitô, máu Người là giá chuộc chúng ta như Thánh Kinh dạy rõ, xem 1 Cr 6,20.

61. Linh đạo nguyên thủy của các dòng này bám rễ sâu trong việc chiêm niệm thập giá. Đức Kitô là Đấng Cứu Chuộc các tù nhân theo nghĩa tuyệt hảo, và Giáo Hội, là Thân Thể của Người, kéo dài màu nhiệm ấy trong dòng thời gian. Các tu sĩ không nhìn việc chuộc tù như một hành động thuần chính trị hay kinh tế, nhưng như một hành vi gần như phụng vụ, một sự tự hiến mang tính bí tích. Nhiều người đã hiến chính thân xác mình để thay cho tù nhân, thực hiện sát nghĩa lệnh truyền: “Không ai có tình thương lớn hơn tình thương của người hy sinh mạng sống mình vì bạn hữu” (Ga 15,13). Truyền thống của các dòng này không chấm dứt. Trái lại, nó đã gợi hứng cho những hình thức hành động mới trước các dạng nô lệ hiện đại như buôn người, lao động cưỡng bức, bóc lột tình dục và các kiểu lệ thuộc khác. Đức ái Kitô giáo trở nên giải phóng khi được hiện thân giữa đời. Cũng vậy, sứ mạng của Giáo Hội, khi trung tín với Chúa của mình, luôn là công bố sự giải phóng. Ngay hôm nay, khi “hàng triệu người, trẻ em, phụ nữ và đàn ông ở mọi lứa tuổi, bị tước mất tự do và buộc phải sống trong những điều kiện giống như cảnh nô lệ”, di sản ấy đang được tiếp nối bởi các dòng này và bởi nhiều cơ quan cũng như hội dòng khác đang phục vụ nơi ngoại ô thành thị, vùng xung đột và những lộ trình di cư. Khi Giáo Hội cúi mình để bẻ gãy những xiềng xích mới đang trói buộc người nghèo, Giáo Hội trở nên dấu chỉ Vượt Qua.

62. Chúng ta không thể kết thúc suy tư về những người bị tước đoạt tự do mà không nhắc đến những người đang ở các nhà tù và các trung tâm giam giữ. Ở đây, ta nhớ đến lời Đức Phanxicô ngỏ với một nhóm tù nhân: “Đối với tôi, bước vào nhà tù luôn là một giây phút quan trọng, vì nhà tù là nơi chứa đựng rất nhiều nhân tính. Một nhân tính bị thử thách, đôi khi bị mài mòn bởi khó khăn, bởi lỗi lầm, bởi phán xét, bởi hiểu lầm, bởi đau khổ, nhưng đồng thời đầy sức mạnh, đầy ước muốn được tha thứ và mong mỏi được tái sinh.” Ước muốn này, trong số nhiều điều khác, cũng đã được các dòng dẫn thân chuộc tù đón nhận như một ưu tiên phục vụ trong lòng Giáo Hội. Như Thánh Phaolô công bố: “Chính để chúng ta được tự do mà Đức Kitô đã giải phóng chúng ta” (Gl 5,1). Tự do ấy không chỉ là nội tâm. Nó biểu lộ trong lịch sử như một tình yêu biết chăm lo và giải thoát chúng ta khỏi mọi mối dây nô lệ.

Chứng nhân của khó nghèo Tin Mừng

63. Vào thế kỷ mười ba, trước sự lớn mạnh của các thành thị, sự tập trung của cải và sự xuất hiện của các dạng nghèo mới, Chúa Thánh Thần đã làm nảy sinh trong Giáo Hội một kiểu thánh hiến mới, đó là các dòng hành khất. Khác với mô thức đan tu ổn định, các tu sĩ hành khất chọn đời sống lữ hành, không có tài sản riêng hay chung, phó thác hoàn toàn cho Quan Phòng. Họ không chỉ

phục vụ người nghèo, họ còn trở nên nghèo với người nghèo. Họ nhìn thành phố như một sa mạc mới và những người bị gạt ra bên lề như các bậc thầy thiêng liêng mới. Các dòng như Phanxicô, Đa Minh, Augustinô và Camêlô đã là một cuộc đổi mới Tin Mừng, trong đó nếp sống đơn sơ và nghèo khó trở thành dấu chỉ ngôn sứ cho sứ vụ, khơi lại kinh nghiệm của cộng đoàn Kitô hữu đầu tiên, xem Cv 4,32. Chứng tá của các tu sĩ hành khất đã thách đố cả sự xa hoa của hàng giáo sĩ lẫn sự nguội lạnh của xã hội đô thị.

64. Thánh Phanxicô Assisi trở thành biểu tượng của mùa xuân thiêng liêng ấy. Khi ôm lấy đức khó nghèo, ngài muốn bắt chước Đức Kitô, Đấng nghèo, trần trụi và chịu đóng đinh. Trong Tu Luật, ngài yêu cầu rằng “các anh em đừng chiếm hữu bất cứ điều gì, không nhà cửa, không nơi chốn, không bất cứ thứ gì. Và như những lữ khách và khách trọ ở đời này, phục vụ Chúa trong khó nghèo và khiêm hạ, các anh em hãy mạnh dạn đi xin ăn và đừng hổ thẹn, vì Chúa đã trở nên nghèo vì chúng ta trong cõi đời này.” [52] Đời ngài là một hành trình liên lý tự hạ. Từ cung điện đến với người phong hủi, từ hùng biện đến thỉnh lặng, từ sở hữu đến hiến tặng trọn vẹn. Phanxicô không lập một cơ quan xã hội, nhưng dựng nên một tình huynh đệ Tin Mừng. Nơi người nghèo, ngài thấy những anh chị em, những hình ảnh sống động của Chúa. Sứ mạng của ngài là ở với họ, bằng một tình liên đới vượt mọi khoảng cách và một tình yêu biết chạnh lòng. Đức khó nghèo của Phanxicô mang tính tương quan, đưa ngài trở nên người thân cận, bằng vai hay thậm chí hạ mình xuống dưới người khác. Sự thánh thiện của ngài phát sinh từ xác tín rằng chỉ khi hiến trao chính mình cách quảng đại cho anh chị em, ta mới có thể thật sự đón nhận Đức Kitô.

65. Thánh Clara Assisi, được Phanxicô gợi hứng, đã lập Dòng Nghèo Nữ, sau này gọi là Dòng Nữ Clara Khó Nghèo. Cuộc chiến thiêng liêng của ngài là trung tín gìn giữ lý tưởng khó nghèo triệt để. Ngài khước từ những đặc ân của Tòa Thánh có thể bảo đảm an ninh vật chất cho đan viện mình, và bằng quyết tâm, ngài đã xin và được Đức Giáo hoàng Grêgôriô IX ban đặc ân gọi là Privilegium Paupertatis, bảo đảm quyền được sống không sở hữu của cải vật chất. Lựa chọn này diễn tả trọn vẹn lòng tín thác vào Thiên Chúa và ý thức rằng khó nghèo tự nguyện là một hình thức tự do và ngôn sứ. Clara dạy các chị em rằng Đức Kitô là gia nghiệp duy nhất của họ và không gì được che mờ sự hiệp thông với Người. Đời cầu nguyện ẩn dật của ngài là một tiếng kêu chống lại tinh thần thế tục và là lời bệnh vực thỉnh lặng cho những người nghèo và bị quên lãng.

66. Thánh Đa Minh de Guzmán, một người đương thời với Phanxicô, đã lập Dòng Giảng Thuyết với đặc sủng khác nhưng cùng một triệt để sống. Ngài muốn rao giảng Tin Mừng với thẩm quyền phát sinh từ một đời sống khó nghèo, xác tín rằng Chân Lý cần những chứng nhân liêm chính. Gương khó nghèo trong đời sống của họ đi cùng với Lời họ rao giảng. Được giải phóng

khỏi gánh nặng của cải trần gian, các tu sĩ Đa Minh có thể chuyên tâm hơn cho công việc chính là giảng thuyết. Họ đến với thành thị, đặc biệt là các trung tâm đại học, để dạy chân lý về Thiên Chúa. Trong sự lệ thuộc vào lòng quảng đại của người khác, họ cho thấy đức tin không bị áp đặt, nhưng là ân ban được trao tặng. Và khi sống giữa người nghèo, họ học biết chân lý của Tin Mừng từ bên dưới, như những môn đệ của Đức Kitô bị hạ nhục.

67. Vì thế, các dòng hành khất là lời đáp sống động trước sự loại trừ và dừng dưng. Họ không chủ trương cải cách xã hội một cách minh thị, nhưng kêu gọi một cuộc hoán cải cá nhân và cộng đoàn theo logic của Nước Trời. Đối với họ, khó nghèo không phải là hậu quả của sự khan hiếm của cải, nhưng là một chọn lựa tự do, hạ mình để đón nhận những người bé mọn. Như Tôma de Celano nói về Phanxicô: “Ngài tỏ cho thấy mình yêu người nghèo tha thiết. Ngài thường cởi áo mình để mặc cho người nghèo mà ngài muốn nên giống.” [55] Người hành khất trở thành biểu tượng của một Giáo Hội lữ hành, khiêm nhu và huynh đệ, sống giữa người nghèo không phải để chiêu dụ, nhưng như biểu lộ căn tính chân thật của mình. Họ dạy chúng ta rằng Giáo Hội trở nên ánh sáng khi Giáo Hội trút bỏ mọi sự, và rằng con đường nên thánh đi qua trái tim khiêm nhường tận hiến cho những người bé mọn nhất.

Giáo Hội và việc giáo dục người nghèo

68. Khi nói với các nhà giáo dục, Đức Phanxicô nhắc rằng giáo dục luôn là một trong những biểu hiện cao đẹp nhất của đức ái Kitô giáo. “Sứ mạng của anh chị em đầy chướng ngại cũng như tràn niềm vui. Một sứ mạng của tình yêu, vì không thể dạy dỗ nếu không yêu thương.” Theo nghĩa này, ngay từ thời xa xưa, các Kitô hữu đã hiểu rằng tri thức giải phóng, mang lại phẩm giá và đưa chúng ta gần hơn với chân lý. Đối với Giáo Hội, dạy học cho người nghèo là một hành vi công bình và đức tin. Được linh hứng bởi tấm gương của Thầy chí thánh, Đấng dạy dân chúng chân lý thần linh và nhân sinh, Giáo Hội lãnh lấy sứ mạng đào luyện thiếu nhi và giới trẻ, nhất là những em nghèo nhất, trong chân lý và tình yêu. Sứ mạng này đã thành hình nơi việc thành lập các hội dòng chuyên lo giáo dục.

69. Vào thế kỷ mười sáu, Thánh Giuse Calasanz, xúc động trước tình trạng thiếu giáo dục và đào luyện nơi thanh thiếu niên nghèo của Rôma, đã lập trường công đầu tiên miễn phí tại châu Âu trong vài căn phòng cạnh nhà thờ Thánh Đôrôthêa ở khu Trastevere. Từ hạt giống ấy, Dòng Linh Mục Nghèo của Mẹ Thiên Chúa thuộc các Trường Đạo Đức, còn gọi là Dòng Piô, đã nảy nở và phát triển, dù không ít gian nan. Mục tiêu của các ngài là truyền cho người trẻ “không những kiến thức đời mà còn cả sự khôn ngoan của Tin Mừng, dạy họ nhận ra, trong đời sống cá nhân và trong lịch sử, hành động yêu thương của Thiên Chúa Tạo Hoá và Cứu Chuộc.” [57] Quả thật, có thể xem vị linh mục can đảm này là “vị sáng lập đích thực của trường Công giáo hiện đại, nhằm

đến việc đào tạo toàn diện con người và mở rộng cho mọi người.” [58] Với cùng một nhạy cảm, Thánh Gioan Baptista de La Salle, nhận ra sự bất công do việc loại trừ con em giới thợ thuyền và người bình dân khỏi hệ thống giáo dục tại Pháp thời bấy giờ, đã lập Dòng Anh Em Trường Kitô Giáo vào thế kỷ mười bảy, với lý tưởng cung cấp cho họ nền giáo dục miễn phí, sự đào luyện vững vàng và một bầu khí huynh đệ. De La Salle nhìn lớp học như nơi tăng trưởng con người nhưng cũng là nơi hoán cải. Tại các trường của ngài, cầu nguyện, phương pháp, kỷ luật và chia sẻ được kết hợp. Mỗi trẻ em được coi như quà tặng độc nhất của Thiên Chúa, và việc giảng dạy là một phục vụ đối với Nước Thiên Chúa.

70. Vào thế kỷ mười chín, cũng tại Pháp, Thánh Marcellin Champagnat lập Hội Dòng Anh Em Marist. “Ngài nhạy bén trước các nhu cầu thiêng liêng và giáo dục của thời đại, nhất là trước cảnh ngu dốt đạo lý và tình trạng bị bỏ rơi mà người trẻ phải chịu cách đặc biệt.” [59] Ngài hiến thân trọn vẹn cho sứ mạng giáo dục và loan báo Tin Mừng cho trẻ em và thanh thiếu niên, nhất là những em thiếu thốn nhất, trong giai đoạn tiếp cận giáo dục vẫn còn là đặc quyền của một số ít. Cùng một tinh thần ấy, Thánh Gioan Bosco khởi sự công trình lớn lao của Dòng Salêdiêng tại Italia dựa trên ba nguyên tắc của phương pháp phòng ngừa là lý trí, tôn giáo và lòng yêu mến. [60] Chân phúc Antônô Rosmini lập Dòng Bác Ái, trong đó “bác ái trí thức” được đặt bên cạnh “bác ái vật chất,” và “bác ái thiêng liêng mục vụ” đứng hàng đầu như một chiều kích không thể thiếu của mọi hoạt động bác ái nhằm tới thiện ích và sự phát triển toàn diện của con người. [61]

71. Nhiều hội dòng nữ đã trở thành những tác nhân chính của cuộc canh tân sư phạm này. Được thành lập trong các thế kỷ mười tám và mười chín, các nữ tu Ursuline, Nữ tu Dòng Đức Mẹ Maria, các Maestre Pie và nhiều hội dòng khác đã bước vào những khoảng trống nơi nhà nước còn vắng mặt. Các ngài dựng trường ở thôn xóm nhỏ, vùng ven đô và các khu lao động. Đặc biệt, việc giáo dục các thiếu nữ trở thành ưu tiên. Các nữ tu dạy biết chữ, loan báo Tin Mừng, chăm lo các việc thực hành của đời sống hằng ngày, nâng tâm hồn qua việc trau dồi nghệ thuật, và trên hết là hình thành lương tâm. Phương pháp sư phạm của các ngài rất đơn sơ, đó là gần gũi, kiên nhẫn và dịu hiền. Các ngài dạy bằng chính gương sống trước khi dạy bằng lời nói. Trong những thời kỳ nạn mù chữ lan rộng và sự loại trừ mang tính hệ thống, các phụ nữ thánh hiến này trở nên những ngọn hải đăng hy vọng. Sứ mạng của các ngài là uốn nắn con tim, dạy con người biết suy tư và thăng tiến phẩm giá. Bằng cách kết hợp đời sống đạo đức với sự tận tụy phục vụ tha nhân, các ngài đã chống lại cảnh bị bỏ rơi bằng sự dịu dàng của những người giáo dục nhân danh Đức Kitô.

72. Đối với đức tin Kitô giáo, việc giáo dục người nghèo không phải là một ân huệ ban phát, nhưng là một bổn phận. Trẻ em có quyền được học biết, vì đó là yêu cầu nền tảng để công nhận phẩm giá con người. Dạy cho các em là khẳng định giá trị của các em, đồng thời trao cho các em những dụng cụ để biến đổi thực tại của mình. Truyền thống Kitô giáo xem tri thức là ân ban của Thiên Chúa và là trách nhiệm của cộng đoàn. Nền giáo dục Kitô giáo không chỉ đào tạo các chuyên viên, nhưng còn hình thành những con người mở ra với điều thiện, với cái đẹp và với chân lý. Bởi thế, các trường Công giáo, khi trung thành với danh xưng của mình, phải là những nơi bao gồm mọi người, đào tạo toàn diện và phát triển con người. Khi kết hợp đức tin với văn hóa, các trường ấy gieo mầm cho tương lai, tôn vinh hình ảnh Thiên Chúa nơi con người và xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn.

Đồng hành với người di dân

73. Kinh nghiệm di cư luôn đồng hành với lịch sử của Dân Thiên Chúa. Ápraham lên đường mà không biết mình sẽ đi đâu. Môsê dẫn dân hành hương băng qua sa mạc. Đức Maria và Thánh Giuse bồng Hài Nhi Giêsu trốn sang Ai Cập. Chính Đức Kitô, Đấng “đã đến nhà mình, nhưng người nhà chẳng đón nhận” (Ga 1,11), đã sống giữa chúng ta như một người khách lạ. Vì thế, Giáo Hội luôn nhận ra nơi người di dân có sự hiện diện sống động của Chúa, Đấng trong ngày phán xét sẽ nói với những người ở bên hữu rằng “xưa Ta là khách lạ, các ngươi đã tiếp rước Ta” (Mt 25,35).

74. Vào thế kỷ mười chín, khi hàng triệu người châu Âu rời quê hương để tìm cuộc sống tốt hơn, có hai vị thánh nổi bật trong việc mục vụ cho người di dân, đó là Thánh Gioan Battista Scalabrini và Thánh Phanxicô Xaviê Cabrini. Scalabrini, Giám mục Piacenza, đã thành lập Dòng Thừa Sai Thánh Carôlô để đồng hành với người di dân trên đường đến nơi định cư, trao cho họ sự trợ giúp thiêng liêng, pháp lý và vật chất. Ngài nhìn thấy nơi người di dân những người được ưu tiên cho một cuộc tân phúc âm hóa, đồng thời cảnh báo những nguy cơ bị bóc lột và đánh mất đức tin nơi đất khách. Đáp lại cách quảng đại đặc sủng Chúa ban, “Scalabrini hướng tới một thế giới và một Giáo Hội không còn ranh giới, nơi không ai là người xa lạ.” [62] Thánh Phanxicô Cabrini, sinh tại Italia và trở thành công dân Hoa Kỳ, là công dân đầu tiên của Hợp Chúng Quốc được phong hiển thánh. Để chu toàn sứ mạng trợ giúp người di dân, chị đã nhiều lần vượt Đại Tây Dương. “Với một lòng can đảm phi thường, chị đã khởi sự từ con số không, mở trường học, bệnh viện và nhà mồ côi cho đám đông người nghèo tìm đến tân thế giới để kiếm việc làm. Vì không biết ngôn ngữ và thiếu phương tiện để có được vị thế xứng hợp trong xã hội Hoa Kỳ, họ thường là nạn nhân của những kẻ vô lương tâm. Con tim mẫu tử của chị, không cho phép chị nghỉ ngơi, đã vươn tới họ ở khắp nơi, trong các xóm ổ

chuột, nơi ngục tù và các hầm mỏ.” [63] Trong Năm Thánh 1950, Đức Piô XII đã công bố chi là Bốn Mạng của mọi người di dân. [64]

75. Truyền thống của Giáo Hội trong việc làm việc cho và với người di dân vẫn tiếp diễn. Ngày nay, sứ vụ này được thể hiện qua các sáng kiến như các trung tâm đón tiếp người tị nạn, các điểm mục vụ biên giới, cùng hoạt động của Caritas Quốc Tế và nhiều tổ chức khác. Huấn giáo đương đại khẳng định rõ dần thân này. Đức Phanxicô nhắc rằng sứ mạng của Giáo Hội đối với người di dân và người tị nạn còn rộng hơn nữa. Ngài nhấn mạnh rằng “câu trả lời của chúng ta trước những thách đố do hiện tượng di cư ngày nay có thể tóm lại trong bốn động từ, đó là đón tiếp, bảo vệ, thăng tiến và hội nhập. Tuy nhiên, các động từ này không chỉ áp dụng cho người di dân và người tị nạn. Chúng mô tả sứ mạng của Giáo Hội đối với tất cả những ai đang sống ở các vùng ngoại biên hiện sinh, những người cần được đón tiếp, được bảo vệ, được thăng tiến và được hội nhập.” [65] Ngài còn nói, “Mỗi con người là con cái Thiên Chúa. Người ấy mang nơi mình hình ảnh của Đức Kitô. Chính chúng ta cần phải thấy, rồi giúp người khác thấy, rằng người di dân và người tị nạn không chỉ là một vấn đề cần giải quyết, nhưng là những anh chị em phải được đón nhận, tôn trọng và yêu mến. Họ là cơ hội mà Quan Phòng trao cho chúng ta để góp phần xây dựng một xã hội công bằng hơn, một nền dân chủ trưởng thành hơn, một đất nước hiệp nhất hơn, một thế giới huynh đệ hơn và một cộng đoàn Kitô hữu cởi mở và Tin Mừng hơn.” [66] Như một người mẹ, Giáo Hội đồng hành với những ai đang lên đường. Nơi thế gian thấy mỗi đe dọa, Giáo Hội thấy con cái. Nơi tường rào được dựng lên, Giáo Hội bắc nhịp cầu. Giáo Hội biết rằng lời rao giảng Tin Mừng của mình chỉ đáng tin khi được chuyển thành những cử chỉ gần gũi và đón tiếp. Giáo Hội cũng biết rằng nơi mỗi người di dân bị khước từ, chính Đức Kitô đang gõ cửa cộng đoàn.

Bên cạnh những người bé mọn nhất

76. Sự thánh thiện Kitô giáo thường nở hoa ở những nơi bị lãng quên và thương tích nhất của nhân loại. Những người nghèo nhất trong số những người nghèo, nghĩa là những ai không chỉ thiếu thốn vật chất mà còn thiếu tiếng nói và sự công nhận phẩm giá, có một vị trí đặc biệt trong trái tim Thiên Chúa. Họ là những người được Tin Mừng yêu thương, là những người thừa hưởng Nước Trời, xem Lc 6,20. Nơi họ, Đức Kitô tiếp tục chịu khổ nạn và phục sinh. Nơi họ, Giáo Hội khám phá lại lời mời gọi tỏ lộ con người chân thật nhất của mình.

77. Thánh Têrêsa Calcutta, được phong hiển thánh năm 2016, đã trở thành biểu tượng phổ quát của đức ái được sống đến mức viên mãn vì lợi ích của những người cùng khổ nhất, những người bị xã hội loại bỏ. Là đáng sáng lập Dòng Thừa Sai Bác Ái, mẹ đã dâng hiến đời mình cho những người hấp hối bị bỏ rơi trên các nẻo đường Ấn Độ. Mẹ gom họ lại, rửa vết thương cho họ

và đồng hành với họ đến giây phút cuối cùng bằng sự dịu dàng của cầu nguyện. Tình yêu của mẹ dành cho “những người nghèo nhất trong số những người nghèo” có nghĩa là mẹ không chỉ lo liệu các nhu cầu vật chất của họ, nhưng còn công bố Tin Mừng cho họ. Mẹ nói, “Chúng tôi muốn loan báo Tin Mừng cho người nghèo rằng Thiên Chúa yêu họ, rằng chúng tôi yêu họ, rằng họ là những người thật sự quan trọng đối với chúng tôi, rằng họ cũng được chính bàn tay yêu thương của Thiên Chúa tạo dựng để yêu thương và được yêu thương. Người nghèo của chúng tôi là những con người vĩ đại, rất đáng yêu. Họ không cần sự thương hại và cảm thông bề ngoài của chúng tôi, họ cần tình yêu biết thấu hiểu. Họ cần sự kính trọng. Họ cần chúng tôi đối xử với họ trong phẩm giá.” [67] Tất cả điều ấy phát sinh từ một linh đạo sâu xa, linh đạo nhìn thấy việc phục vụ những người nghèo nhất là hoa trái của cầu nguyện và tình yêu, là nguồn mạch của bình an đích thực, như Thánh Gioan Phaolô II nhắc các khách hành hương đến Rôma trong ngày lễ phong chân phước cho mẹ, “Mẹ Têrêsa đã tìm đâu ra sức mạnh để hoàn toàn đặt mình vào việc phục vụ tha nhân. Mẹ tìm thấy nơi cầu nguyện và nơi chiêm niệm thanh lặng về Đức Giêsu Kitô, Thánh Nhan của Người, Thánh Tâm của Người. Chính mẹ đã nói, ‘Hoa trái của thanh lặng là cầu nguyện. Hoa trái của cầu nguyện là đức tin. Hoa trái của đức tin là tình yêu. Hoa trái của tình yêu là phục vụ.’ Chính cầu nguyện đã đổ đầy tim mẹ bình an của Đức Kitô và giúp mẹ lan tỏa bình an ấy cho người khác.” [68] Mẹ Têrêsa không xem mình là một nhà hảo tâm hay một nhà hoạt động, nhưng là hiền thê của Đức Kitô chịu đóng đinh, yêu thương phục vụ anh chị em đau khổ của mình với trọn con tim.

78. Tại Brasil, Thánh Dulce của Người Nghèo, được mệnh danh là “thiên thần hiền lành của Bahia”, đã hiện thân cùng một tinh thần Tin Mừng với nét đặc thù Brasil. Nhắc đến ngài cùng hai nữ tu khác được phong hiển thánh trong cùng một nghi lễ, Đức Phanxicô đã gọi lại tình yêu của các ngài dành cho những người bị gạt ra bên lề nhất của xã hội và nói rằng các tân thánh “cho chúng ta thấy rằng đời thánh hiến là một hành trình tình yêu nơi các vùng ngoại biên hiện sinh của thế giới.” [69] Chị Dulce đã đáp lại cảnh bấp bênh bằng óc sáng tạo, đáp lại trở ngại bằng sự dịu dàng, đáp lại nhu cầu bằng một đức tin không lay chuyển. Chị bắt đầu bằng việc đón những người bệnh vào một chuồng gà, và từ đó xây dựng nên một trong những mạng lưới xã hội lớn nhất của đất nước. Chị trợ giúp mỗi ngày cho hàng ngàn người, không bao giờ đánh mất sự dịu hiền, trở nên nghèo với người nghèo vì lòng mến Đấng nghèo nhất. Chị sống đơn sơ, cầu nguyện sốt sắng và phục vụ trong hoan lạc. Đức tin của chị không tách chị khỏi thế giới, nhưng đưa chị đi sâu hơn vào nỗi đau của những người bé mọn nhất.

79. Ta cũng có thể nhắc đến những nhân vật như Thánh Bênêđictô Menni cùng các Nữ tu Phục vụ Y tế Thánh Tâm Chúa Giêsu, những người đồng hành

với người khuyết tật, Thánh Sácơ đơ Phucô giữa các cộng đoàn Sahara, Thánh Katharine Drexel cho những nhóm bị thiệt thòi nhất tại Bắc Mỹ, Sơ Emmanuelle với những người nhặt rác ở khu Ezbet El Nakhl tại Cairo, và còn nhiều người khác nữa. Mỗi vị theo cách riêng của mình đã khám phá rằng người nghèo không chỉ là đối tượng của lòng trắc ẩn, nhưng còn là những người thầy của Tin Mừng. Không phải là “mang” Thiên Chúa đến cho họ, nhưng là gặp gỡ Người nơi họ. Tất cả những mẫu gương này dạy chúng ta rằng phục vụ người nghèo không phải là một cử chỉ làm từ trên xuống, nhưng là một cuộc gặp gỡ giữa những người bình đẳng, nơi Đức Kitô được tỏ lộ và được thờ lạy. Thánh Gioan Phaolô II nhắc chúng ta rằng “có một sự hiện diện đặc biệt của Đức Kitô nơi người nghèo, và điều đó đòi Giáo Hội phải có một chọn lựa ưu tiên cho họ.” [70] Vì thế, khi Giáo Hội cúi xuống để chăm sóc người nghèo, Giáo Hội đang đứng lên trong tư thế cao quý nhất của mình.

Các Phong trào Bình dân

80. Chúng ta cũng phải nhìn nhận rằng, suốt nhiều thế kỷ lịch sử Kitô giáo, việc trợ giúp người nghèo và bênh vực quyền lợi của họ không chỉ do cá nhân, gia đình, cơ sở hay các cộng đoàn thánh hiến đảm nhận. Đã có và đang có nhiều phong trào bình dân gồm các giáo dân và do các thủ lĩnh bình dân lãnh đạo, những người thường bị nhìn bằng con mắt nghi ngại và thậm chí bị bách hại. Tôi muốn nói đến “những người bước đi không như các cá nhân riêng lẻ, nhưng như một cộng đoàn gắn bó của mọi người và vì mọi người, một cộng đoàn từ chối bỏ lại phía sau những người nghèo và dễ tổn thương. Những nhà lãnh đạo bình dân là những người có khả năng quy tụ tất cả mọi người. Họ không né tránh hay sợ hãi những người trẻ đã từng bị tổn thương hoặc đang mang sức nặng của thập giá.” [71]

81. Những người lãnh đạo bình dân này hiểu rằng liên đới “cũng có nghĩa là chiến đấu chống lại các nguyên nhân cơ cấu của nghèo đói và bất bình đẳng, của tình trạng thiếu việc làm, thiếu đất đai và nhà ở, cũng như của việc phủ nhận các quyền xã hội và lao động. Liên đới còn có nghĩa là đối đầu với những tác hại tàn phá của đế chế đồng tiền. Liên đới, hiểu theo nghĩa sâu xa nhất, là một cách làm nên lịch sử, và đó chính là điều các phong trào bình dân đang thực hiện.” [72] Vì lý do này, khi các cơ chế khác nhau suy nghĩ về nhu cầu của người nghèo, điều cần thiết là “đưa các phong trào bình dân vào và làm sinh động các cơ cấu quản trị ở cấp địa phương, quốc gia và quốc tế bằng dòng năng lượng luân lý tràn trề phát sinh từ việc đưa những người bị loại trừ vào công cuộc xây dựng một định mệnh chung.” [73] Thật vậy, các phong trào bình dân mời gọi chúng ta vượt qua “nào trạng cho rằng các chính sách xã hội là chính sách làm cho người nghèo, nhưng không bao giờ làm với người nghèo và lại càng không thuộc về người nghèo, cũng không phải là thành phần của một dự án có thể gắn kết con người lại với nhau.” [74] Nếu giới

chính trị và các chuyên gia không lắng nghe họ, “nền dân chủ sẽ teo tóp, biến thành khẩu hiệu, thành hình thức bên ngoài, đánh mất tính đại diện và trở nên vô hồn, vì đã loại trừ chính nhân dân trong cuộc chiến hằng ngày vì phẩm giá, trong việc xây dựng tương lai của mình.” [75] Điều ấy cũng cần được nói về các định chế của Giáo Hội.

CHƯƠNG BỐN

MỘT LỊCH SỬ VẪN TIẾP DIỄN

Thế kỷ của Học thuyết Xã hội Công giáo

82. Nhịp tăng tốc của thay đổi công nghệ và xã hội trong hai thế kỷ qua với những mâu thuẫn và xung đột của nó không chỉ tác động đến đời sống người nghèo mà còn trở thành đối tượng suy tư và tranh luận ngay nơi họ. Các phong trào của công nhân, phụ nữ, giới trẻ cùng cuộc đấu tranh chống phân biệt chủng tộc đã khơi dậy một sự trân trọng mới đối với phẩm giá của những người ở bên lề xã hội. Học thuyết xã hội của Giáo Hội cũng nảy sinh từ bối cảnh ấy. Việc đọc lại mặc khải Kitô giáo trong khung cảnh các vấn đề xã hội, lao động, kinh tế và văn hóa hiện đại sẽ không thể có nếu thiếu phần đóng góp của giáo dân nam nữ là những người đã vật lộn với các vấn đề lớn của thời đại mình. Đồng hành với họ là các nam nữ tu sĩ, nơi đó Giáo Hội nhập cuộc và mở lối mới. Biến chuyển thời đại mà chúng ta đang trải qua càng đòi hỏi hơn bao giờ hết sự tương tác liên lý giữa các tín hữu và Huấn quyền của Giáo Hội, giữa công dân bình thường và giới chuyên gia, giữa cá nhân và các thiết chế. Ở đây cũng cần nhắc lại điều này cho rõ là thực tại được nhìn thấy tốt nhất từ bên lề, và người nghèo có một cái nhìn độc đáo không thể thiếu cho Giáo Hội cũng như cho toàn thể nhân loại.

83. Huấn quyền của Giáo Hội trong một trăm năm mươi năm qua là một kho tàng đích thực về giáo huấn quan trọng liên quan đến người nghèo. Các Giám Mục Rôma đã cất tiếng cho những trực giác mới được gạn lọc qua tiến trình biện phân của Giáo Hội. Chẳng hạn, trong Thông điệp *Rerum Novarum*, Đức Lêô mười ba đụng đến vấn đề lao động, nêu rõ tình trạng sống không thể chấp nhận của nhiều công nhân kỹ nghệ và kêu gọi thiết lập một trật tự xã hội công bằng. Các Giáo Hoàng khác cũng lên tiếng về chủ đề này. Thánh Gioan hai mươi ba, trong Thông điệp *Mater et Magistra* năm một chín sáu một, kêu gọi thực thi công bằng ở tầm mức toàn cầu, các nước giàu không thể đứng dửng dưng trước những quốc gia chịu cảnh đói nghèo cùng cực, nhưng được mời gọi quảng đại trợ giúp họ bằng mọi của cải mình có.

84. Công đồng Vaticanô hai là một cột mốc trong sự hiểu biết của Giáo Hội về người nghèo trong kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa. Dù chủ đề này khá mờ nhạt trong các bản văn chuẩn bị, Thánh Gioan hai mươi ba trong Sứ điệp phát thanh ngày mười một tháng chín năm một chín sáu hai tức một tháng trước ngày khai mạc Công đồng đã hướng sự chú ý về vấn đề này. Theo

lời đáng ghi nhớ của ngài, “Giáo Hội trình bày chính mình như là và như vẫn muốn là Giáo Hội của mọi người và đặc biệt là Giáo Hội của người nghèo.” [76] Nỗ lực mãnh liệt của các giám mục, thần học gia và chuyên viên thao thức canh tân Giáo Hội với sự nâng đỡ của chính Thánh Gioan hai mươi ba đã trao cho Công đồng một hướng đi mới. Tính trung tâm của Đức Kitô về cả phương diện tín lý lẫn xã hội tỏ ra nền tảng. Nhiều Nghị phụ Công đồng ủng hộ đường hướng này, được Đức Hồng Y Lercaro diễn đạt cách hùng hồn trong bài phát biểu ngày sáu tháng mười hai năm một chín sáu hai rằng “Mầu nhiệm Đức Kitô trong Giáo Hội xưa nay và hôm nay một cách đặc biệt là mầu nhiệm Đức Kitô nơi người nghèo.” [77] Ngài còn nói thêm “đây không chỉ là một đề tài giữa nhiều đề tài khác, nhưng theo nghĩa nào đó là đề tài duy nhất của toàn thể Công đồng.” [78] Vị Tổng Giám Mục Bologna khi soạn bản văn cho can thiệp này đã ghi chú như sau “Đây là giờ của người nghèo, của muôn triệu người nghèo trên khắp thế giới. Đây là giờ của mầu nhiệm Giáo Hội như người mẹ của người nghèo. Đây là giờ của mầu nhiệm Đức Kitô hiện diện cách đặc biệt nơi người nghèo.” [79] Cảm thức về nhu cầu một hình ảnh Giáo Hội mới đơn sơ và tiết độ hơn bao trùm toàn Dân Thiên Chúa và sự hiện diện của họ trong lịch sử ngày càng mạnh mẽ. Một Giáo Hội giống Chúa mình hơn là giống các quyền lực thế tục và làm việc để cổ vũ dẫn thân cụ thể của toàn thể nhân loại nhằm giải quyết vấn nạn nghèo đói menh mông trên thế giới.

85. Khi khai mạc khóa hai của Công đồng, Thánh Phaolô sáu tiếp nối mỗi bận tâm của vị tiền nhiệm là Giáo Hội nhìn với một sự chú ý đặc biệt “đến người nghèo, người túng thiếu, người đau khổ, người đói, người bệnh, người bị giam cầm, nghĩa là nhìn đến toàn thể nhân loại đang chịu khổ và đang khóc, Giáo Hội thuộc về họ theo quyền Tin Mừng.” [80] Trong Buổi Triều yết chung ngày mười một tháng mười một năm một chín sáu bốn, ngài nêu bật rằng “người nghèo là hiện thân của Đức Kitô”, và so sánh hình ảnh Chúa nơi người nghèo với hình ảnh thấy nơi Đức Giáo Hoàng. Ngài xác quyết chân lý này bằng các lời sau đây “Sự hiện thân của Đức Kitô nơi người nghèo là phổ quát, mọi người nghèo đều phản chiếu Đức Kitô, còn nơi Đức Giáo Hoàng là cá vị. Người nghèo và Phêrô có thể là một trong cùng một người, khoác hai tư cách, của sự nghèo và của quyền bính.” [81] Như thế mối dây nội tại giữa Giáo Hội và người nghèo được diễn tả cách biểu tượng và minh nhiên chưa từng có.

86. Hiến chế Mục vụ Vui mừng và Hy vọng tiếp nối giáo huấn của các Thánh Giáo phụ, mạnh mẽ tái khẳng định cùng đích phổ quát của của cải trần thế và chức năng xã hội của tư hữu phát sinh từ đó. Bản Hiến chế viết “Thiên Chúa đã định cho đất và mọi sự trong đó thuộc về mọi người và mọi dân tộc để mọi loài thụ tạo được chia sẻ cách công bằng cho toàn thể nhân loại dưới sự hướng dẫn của công lý được thấm nhuần đức ái... Khi sử dụng các sự vật, con người phải xem những của cải bên ngoài mà họ sở hữu cách hợp pháp

không chỉ là của riêng mình nhưng còn là của chung người khác nữa theo nghĩa chúng có thể sinh ích cho người khác cũng như cho chính mình. Bởi thế ai cũng có quyền sở đắc một phần của cái trần thế đủ cho mình và gia đình... Khi lâm cảnh cùng quẫn, người ta được quyền lấy những gì mình cần từ của cải dư dật của kẻ khác... Về bản tính, tư hữu có một chiều kích xã hội dựa trên lẽ luật về cùng đích chung của của cải trần thế. Bất cứ khi nào khía cạnh xã hội bị lãng quên, sở hữu có thể trở thành đối tượng của tham lam và nguồn mạch của rối loạn nghiêm trọng.” [82] Xác tín này được Thánh Phaolô sáu lặp lại trong Thông điệp *Populorum Progressio*. Ở đó ta đọc thấy không ai có thể tự cho phép mình “chiếm hữu của dư thừa chỉ cho lợi ích riêng khi người khác thiếu cả những nhu cầu tối thiểu của đời sống.” [83] Trong bài diễn văn tại Liên Hiệp Quốc, Đức Phaolô sáu đã lên tiếng thay cho các dân nghèo [84] và thúc giục cộng đồng quốc tế xây dựng một thế giới huynh đệ liên đới.

87. Với Thánh Gioan Phaolô hai, mối liên hệ ưu tiên của Giáo Hội với người nghèo được củng cố đặc biệt về phương diện tín lý. Giáo huấn của ngài nhìn chọn lựa cho người nghèo như “một dạng ưu tiên đặc biệt trong việc thực thi đức ái Kitô giáo mà toàn bộ truyền thống của Giáo Hội làm chứng.” [85] Trong Thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis*, ngài viết tiếp “Ngày nay với tầm mức toàn cầu mà vấn đề xã hội đã mang lấy, tình yêu ưu tiên cho người nghèo và những quyết định phát sinh từ đó không thể không ôm lấy đoàn người mê mông là những người đói, túng thiếu, không nhà cửa, không chăm sóc y tế và nhất là những người không còn hy vọng về một tương lai tốt đẹp hơn. Không thể không lưu tâm đến các thực tại này. Làm sao chúng ta trở nên giống như người phú hộ giả vờ không biết anh nghèo Lagiarô nằm ngay trước cửa mình.” xem Lc mười sáu mười chín đến ba mươi mốt. [86] Giáo huấn của Thánh Gioan Phaolô hai về lao động cũng quan trọng cho việc suy xét vai trò tích cực mà người nghèo phải có trong việc canh tân Giáo Hội và xã hội để vượt ra khỏi một kiểu “gia trưởng” chỉ dừng lại ở việc thỏa mãn tức thời nhu cầu của người nghèo. Trong Thông điệp *Laborem Exercens* ngài khẳng định không quanh co rằng “lao động của con người là một chìa khóa, có lẽ là chìa khóa thiết yếu, của toàn bộ vấn đề xã hội.” [87]

88. Giữa muôn khủng hoảng đánh dấu đầu thiên niên kỷ thứ ba, giáo huấn của Đức Bênêđictô mười sáu mang lấy một sắc thái chính trị rõ hơn. Trong Thông điệp *Caritas in Veritate* ngài xác nhận rằng “càng cố gắng bảo đảm một thiện ích chung tương xứng với những nhu cầu thực sự của tha nhân bao nhiêu, ta càng yêu thương họ cách hiệu quả bấy nhiêu.” [88] Ngài còn nhận xét rằng “nạn đói không hẳn do thiếu vật chất bằng do thiếu các nguồn lực xã hội mà quan trọng nhất là những thiết chế. Điều còn thiếu nói cách khác là một mạng lưới các định chế kinh tế có khả năng bảo đảm việc tiếp cận thường xuyên đủ lương thực và nước uống cho nhu cầu dinh dưỡng, đồng

thời có khả năng đối phó các nhu cầu tiên khởi phát sinh từ những cơn khủng hoảng lương thực thực sự cho dù do nguyên nhân tự nhiên hay do vô trách nhiệm chính trị ở tầm quốc gia lẫn quốc tế.” [89]

89. Đức Phanxicô ghi nhận rằng trong các thập niên gần đây song hành với giáo huấn của các Giám Mục Rôma, các Hội Đồng Giám Mục quốc gia và khu vực ngày càng lên tiếng mạnh mẽ. Ngài đích thân làm chứng chẳng hạn về sự dấn thân đặc thù của hàng giám mục châu Mỹ Latinh trong việc suy nghĩ lại mối tương quan của Giáo Hội với người nghèo. Thời hậu Công đồng, tại hầu hết các nước châu Mỹ Latinh, có một cảm thức mạnh mẽ rằng Giáo Hội cần đồng hóa với người nghèo và tích cực tham dự vào việc bảo vệ tự do của họ. Giáo Hội được thúc đẩy bởi đám đông người nghèo đang chịu cảnh thất nghiệp, thiếu việc làm, lương bất công và điều kiện sống dưới chuẩn. Cuộc tử đạo của Thánh Oscar Romero Tổng Giám Mục San Salvador là một chứng tá mạnh và là nguồn hứng khởi cho Giáo Hội. Ngài đã lấy nỗi khổ của tuyệt đại đa số đoàn chiên mình làm của chính mình và đặt họ ở trung tâm nhãn quan mục vụ. Các Hội nghị của Hội Đồng Giám Mục Mỹ Latinh tại Medellín, Puebla, Santo Domingo và Aparecida cũng là những biến cố quan trọng cho đời sống của toàn thể Giáo Hội. Về phần tôi, từng làm thừa sai nhiều năm tại Peru, tôi chịu ơn nhiều đối với tiến trình biện phân giáo hội này mà Đức Phanxicô đã khôn ngoan nối kết với các Giáo Hội địa phương khác, nhất là tại miền Nam toàn cầu. Giờ đây tôi muốn nêu lên hai chủ đề đặc thù của giáo huấn giám mục này.

Cấu trúc tội gây nên nghèo đói và bất bình đẳng cùng cực

90. Tại Medellín, các giám mục tuyên bố chọn lựa ưu tiên cho người nghèo “Đức Kitô Cứu Độ không chỉ yêu người nghèo, nhưng tuy giàu đã trở nên nghèo. Người sống đời khó nghèo, tập trung sứ mạng vào việc công bố giải phóng cho họ và đã thiết lập Giáo Hội như dấu chỉ của sự nghèo khó ấy ở giữa chúng ta... Cảnh nghèo mà biết bao anh chị em chúng ta đang chịu kêu gọi công lý, liên đới, chứng tá, dấn thân và nỗ lực nhằm chấm dứt nó để sứ mạng cứu độ mà Đức Kitô ủy thác được hoàn tất trọn vẹn.” [90] Các giám mục quả quyết rằng để trung thành trọn vẹn với ơn gọi mình, Giáo Hội không chỉ chia sẻ thân phận người nghèo mà còn đứng về phía họ và tích cực hoạt động cho sự phát triển toàn diện của họ. Trước tình hình nghèo đói trầm trọng hơn ở châu Mỹ Latinh, Hội nghị Puebla xác nhận quyết định của Medellín về một chọn lựa thẳng thắn và ngôn sứ cho người nghèo và gọi các cơ cấu bất công là “tội xã hội”.

91. Đức ái có sức biến đổi thực tại, là một lực tác động đích thực trong lịch sử. Nó là nguồn mạch phải linh hứng và hướng dẫn mọi nỗ lực “giải quyết các nguyên nhân cơ cấu của nghèo đói” [91] và phải làm cách khẩn trương. Tôi hy vọng ngày càng có nhiều “chính khách có khả năng đối thoại chân

thành và hiệu quả nhằm chữa lành tận gốc rễ chứ không chỉ bề ngoài các tệ nạn của thế giới.” [92] Vì “đó là chuyện phải lắng nghe tiếng kêu của các dân tộc, những dân tộc nghèo nhất trên địa cầu.” [93]

92. Chúng ta phải tiếp tục lên án “sự độc tài của một nền kinh tế sát hại” và nhận ra rằng “trong khi lợi tức của thiểu số tăng trưởng theo cấp số nhân thì khoảng cách ngăn chia đa số với sự thịnh vượng của những kẻ ít ỏi hạnh phúc ấy cũng tăng theo. Sự mất cân bằng này là kết quả của các ý thức hệ đề cao tính tự trị tuyệt đối của thị trường và đầu cơ tài chính. Bởi vậy, họ khước từ quyền của các quốc gia là những chủ thể được trao trách nhiệm canh chừng vì công ích trong việc thực thi bất cứ hình thức kiểm soát nào. Một nền chuyên chế mới đang sinh ra, vô hình và thường là ảo, đơn phương và không thương xót áp đặt luật lệ của mình.” [94] Không thiếu những thuyết cố gắng biện minh cho tình trạng hiện nay hoặc giải thích rằng tư duy kinh tế đòi chờ đợi các lực lượng thị trường vô hình tự giải quyết mọi sự. Tuy nhiên, phẩm giá của mỗi con người phải được tôn trọng hôm nay chứ không phải ngày mai, và cảnh cực nghèo của những người bị chối bỏ phẩm giá ấy phải luôn đè nặng trên lương tâm chúng ta.

93. Trong Thông điệp *Dilexit Nos*, Đức Phanxicô nhắc chúng ta rằng tội xã hội củng cố một “cấu trúc tội” trong xã hội và thường là “một phần của náo trạng thống trị coi là bình thường hay hợp lý điều vốn chỉ là ích kỷ và dừng đọng. Từ đó nảy sinh sự tha hóa xã hội.” [95] Rồi việc làm ngơ người nghèo và sống như thể họ không hiện hữu trở nên điều bình thường. Việc tổ chức nền kinh tế theo cách đòi hy sinh từ đám đông để phục vụ nhu cầu của kẻ quyền thế bỗng trở nên hợp lý. Trong khi đó người nghèo chỉ được hứa vài “giọt” rơi xuống cho đến kỳ khủng hoảng toàn cầu kế tiếp đưa mọi thứ trở lại chỗ cũ. Có một kiểu tha hóa đích thực khi ta chỉ nại vào các lý do lý thuyết thay vì tìm cách giải quyết các vấn đề cụ thể của người đau khổ. Thánh Gioan Phaolô hai đã nhận định “một xã hội bị tha hóa khi các hình thức tổ chức xã hội, sản xuất và tiêu thụ làm cho việc tự hiến và xây dựng liên đới giữa con người trở nên khó khăn hơn.” [96]

94. Chúng ta cần dẫn thân ngày càng mạnh mẽ để giải quyết các nguyên nhân cơ cấu của nghèo. Đây là một nhu cầu cấp bách “không thể trì hoãn, không chỉ vì lý do thực dụng là cần thiết cho trật tự xã hội, nhưng vì xã hội cần được chữa khỏi một căn bệnh đang làm nó suy nhược và bế tắc và chỉ có thể đưa tới khủng hoảng mới. Những dự án trợ giúp xã hội đáp ứng một số nhu cầu khẩn cấp chỉ nên được xem như giải pháp tạm thời.” [97] Tôi chỉ có thể lặp lại rằng bất bình đẳng “là cội rễ của các tệ nạn xã hội.” [98] Thật vậy “người ta thường thấy rõ là trên thực tế nhân quyền không bình đẳng cho mọi người.” [99]

95. Hiện trạng “mô hình hiện nay với nhấn mạnh vào thành đạt và tự lực dường như không khuyến khích việc đầu tư công sức để giúp người chậm chạp, yếu kém hay ít tài năng hơn tìm thấy cơ hội sống.” [100] Những câu hỏi tương tự cứ trở lại. Lẽ nào những người kém khả năng không phải là con người sao. Hay người yếu đuối không có cùng phẩm giá như chúng ta sao. Những ai sinh ra với ít cơ hội hơn có giá trị kém hơn như con người sao. Họ phải tự giới hạn ở mức sinh tồn thôi sao. Giá trị xã hội của chúng ta và tương lai của chính chúng ta tùy thuộc câu trả lời cho các câu hỏi này. Hoặc chúng ta phục hồi phẩm giá luân lý và thiêng liêng của mình, hoặc sa vào vũng lầy. Nếu không dừng lại và nghiêm túc coi trọng vấn đề này, chúng ta sẽ tiếp tục công khai hay giấu ngấm “hợp thức hóa mô hình phân phối hiện nay nơi một thiểu số cho rằng mình có quyền tiêu thụ theo một cách không bao giờ có thể phổ quát vì trái đất cũng không thể chứa nổi rác thải của kiểu tiêu thụ ấy.” [101]

96. Một vấn đề cơ cấu không thể hiện thực giải quyết từ phía trên và cần được đụng đến càng sớm càng tốt liên quan tới nơi chốn, khu xóm, nhà cửa và thành thị nơi người nghèo sống và sử dụng thời giờ. Tất cả chúng ta đều cảm phục vẻ đẹp của “những thành phố vượt thắng sự nghi kỵ tê liệt, hội nhập những người khác biệt và biến chính sự hội nhập ấy thành một yếu tố mới của phát triển. Thật hấp dẫn là các thành phố mà ngay cả trong thiết kế kiến trúc cũng đầy những không gian nối kết, tương quan và ưu ái việc nhận biết người khác.” [102] Tuy nhiên cùng lúc “chúng ta không thể không xét đến các tác động của suy thoái môi sinh, các mô hình phát triển hiện nay và nền văn hóa loại bỏ trên đời sống con người.” [103] Bởi “sự suy thoái của môi trường và xã hội tác hại đến những người mong manh nhất trên địa cầu.” [104]

97. Tất cả các phần tử của Dân Thiên Chúa có bốn phận cắt tiếng theo những cách thức khác nhau để chỉ ra và tố giác những vấn đề cơ cấu như thế kể cả khi phải mang tiếng ngây thơ. Các cơ cấu bất công cần được nhận diện và loại trừ bằng sức mạnh của điều thiện qua việc thay đổi não trạng nhưng cũng nhờ khoa học kỹ thuật mà phát triển các chính sách hữu hiệu cho thay đổi xã hội. Không bao giờ được quên rằng sứ điệp Tin Mừng không chỉ liên hệ đến tương quan cá vị của một người với Chúa mà còn liên quan đến một điều lớn hơn “Nước Thiên Chúa” xem Lc bốn bốn mươi ba, đó là yêu mến Thiên Chúa đang hiển trị trong thế giới. Ở mức nào Người hiển trị trong chúng ta thì đời sống xã hội sẽ là khung cảnh của tình huynh đệ phổ quát, công lý, hòa bình và phẩm giá. Bởi vậy lời rao giảng và đời sống Kitô hữu phải có tác động trên xã hội. Chúng ta đang tìm kiếm Nước Thiên Chúa. [105]

98. Sau cùng, trong một văn kiện khởi đầu không được mọi người đón nhận nhưng vẫn còn hợp thời hôm nay, ta thấy một suy tư như sau “Những người bảo vệ chính thống thính thoảng bị tố cáo là thụ động, dung túng hay

đồng lõa có lỗi trước các hoàn cảnh bất công không thể chịu nổi và các chế độ chính trị kéo dài chúng. Hoán cải thiêng liêng, lòng mến nồng nàn đối với Thiên Chúa và tha nhân, nhiệt tâm cho công lý và hòa bình, ý nghĩa Tin Mừng của người nghèo và của sự nghèo khó được đòi hỏi nơi mọi người và đặc biệt nơi các mục tử và những người có trách nhiệm. Mỗi bận tâm cho sự tinh ròng của đức tin đòi phải đưa ra câu trả lời bằng chứng tá hiệu quả trong việc phục vụ tha nhân nhất là người nghèo và người bị áp bức theo cách thể thần học toàn diện.” [106]

Người nghèo như chủ thể

99. Đòi sống của Giáo Hội hoàn vũ được làm phong phú nhờ biện phân của Hội nghị Aparecida nơi các giám mục Mỹ Latinh làm rõ rằng chọn lựa ưu tiên cho người nghèo của Giáo Hội “hàm ẩn trong đức tin Kitô học nơi Thiên Chúa đã trở nên nghèo vì chúng ta để làm cho chúng ta nên giàu bằng sự nghèo của Người.” [107] Văn kiện Aparecida đặt sứ mạng của Giáo Hội trong bối cảnh hiện nay của một thế giới toàn cầu hóa mang dấu những bất cân xứng mới và bi đát. [108] Trong Sứ điệp kết thúc, các giám mục viết “Những khác biệt trần trụi giữa giàu và nghèo mời gọi chúng ta làm việc với cam kết lớn hơn để trở nên những môn đệ biết chia sẻ bàn tiệc của sự sống, bàn tiệc của hết thảy mọi người con trai và con gái của Chúa Cha, một bàn tiệc mở và bao gồm, nơi không ai bị loại trừ. Vì thế, chúng tôi tái khẳng định chọn lựa ưu tiên và Tin Mừng cho người nghèo.” [109]

100. Đồng thời, Văn kiện tiếp thu một chủ đề đã được nêu trong các Hội nghị trước của hàng giám mục Mỹ Latinh khi nhấn mạnh cần coi các cộng đoàn bị gạt ra bên lề như những chủ thể có khả năng kiến tạo văn hóa của chính mình, chứ không phải như các đối tượng của lòng bác ái từ phía người khác. Điều này có nghĩa là các cộng đoàn ấy có quyền đón nhận Tin Mừng, cử hành và thông truyền đức tin của mình phù hợp với các giá trị hiện diện trong nền văn hóa riêng của họ. Kinh nghiệm nghèo khó giúp họ nhận ra những khía cạnh của thực tại mà người khác không nhìn thấy, vì thế xã hội cần lắng nghe họ. Điều này cũng đúng cho Giáo Hội, Giáo Hội phải nhìn tích cực việc thực hành đức tin “bình dân” của họ. Một đoạn rất đẹp trong Văn kiện Aparecida giúp chúng ta suy gẫm điểm này và cung cách đáp trả “Chỉ có sự gần gũi làm chúng ta trở nên bạn hữu mới cho phép chúng ta cảm nếm sâu xa các giá trị hôm nay của người nghèo, những ước muốn chính đáng của họ và lối sống đức tin của riêng họ... Ngày qua ngày, người nghèo trở thành tác nhân của việc loan báo Tin Mừng và thăng tiến con người toàn diện, họ giáo dục con cái trong đức tin, thực hành liên đới liên lý giữa bà con láng giềng, không ngừng kiếm tìm Thiên Chúa và thấp sinh động hành trình của Giáo Hội. Trong ánh sáng Tin Mừng, chúng ta nhận ra phẩm giá cao cả của họ và giá trị thánh thiêng của họ trước mắt Đức Kitô là Đấng đã nghèo như họ và bị loại

trừ giữa họ. Từ kinh nghiệm đức tin này, chúng ta sẽ cùng họ bênh vực các quyền lợi của họ.” [110]

101. Tất cả điều ấy bao hàm một khía cạnh của chọn lựa cho người nghèo mà ta phải luôn ghi nhớ, đó là đòi chúng ta có một thái độ biết lưu tâm đến tha nhân. “Sự chăm chú đầy yêu thương này là khởi điểm của một mối bận tâm chân thật cho con người của họ là điều thúc đẩy tôi cách hiệu quả tìm kiếm điều thiện hảo cho họ. Điều ấy đòi ta biết trân trọng người nghèo trong điều thiện nơi họ, trong kinh nghiệm sống của họ, trong văn hóa của họ và trong cách sống đức tin của họ. Tình yêu chân thật luôn có tính chiêm niệm, cho phép ta phục vụ người khác không vì nhu cầu hay hư danh nhưng vì nơi người ấy có vẻ đẹp vượt quá bề ngoài... Chỉ trên nền tảng của sự gần gũi thực sự và chân thành này chúng ta mới có thể đồng hành đúng đắn với người nghèo trên con đường giải phóng của họ.” [111] Vì thế tôi bày tỏ lòng biết ơn chân thành với tất cả những ai đã chọn sống giữa người nghèo, không chỉ thỉnh thoảng ghé thăm nhưng sống với họ như họ. Quyết định như thế phải được coi là một trong những hình thức cao cả nhất của đời sống Tin Mừng.

102. Trong viễn tượng ấy, rõ ràng tất cả chúng ta phải “để cho mình được người nghèo phúc âm hóa” [112] và nhìn nhận “sự khôn ngoan nhiệm mầu mà Thiên Chúa muốn chia sẻ với chúng ta qua họ.” [113] Lớn lên trong cảnh bấp bênh, học cách tồn tại trong những điều kiện khắc nghiệt nhất, tín thác vào Thiên Chúa khi tin chắc rằng không ai khác nghiêm túc nhìn đến họ và nâng đỡ nhau trong những giờ phút đen tối nhất, người nghèo đã học được nhiều điều họ cất giữ trong lòng. Những ai trong chúng ta không có các kinh nghiệm tương tự chắc chắn có nhiều điều để học từ nguồn khôn ngoan là kinh nghiệm của người nghèo. Chỉ khi đem lời than vãn của mình so sánh với những đau khổ và thiếu thốn của họ, chúng ta mới cảm được một lời sửa dạy có thể thách đố mình sống đơn sơ hơn.

CHƯƠNG NĂM

MỘT THÁCH ĐỐ BỀN BỈ

103. Tôi đã cố tình nhắc lại lịch sử lâu đời về việc Giáo Hội chăm sóc người nghèo và ở với người nghèo để cho thấy điều ấy luôn là phần cốt yếu của đời sống Giáo Hội. Thật vậy, chăm sóc người nghèo thuộc về Truyền Thống lớn lao của Giáo Hội, như một ngọn đèn Tin Mừng soi sáng cõi lòng và hướng dẫn quyết định của các Kitô hữu trong mọi thời. Vì thế chúng ta phải tự buộc mình mời gọi mọi người cùng chia sẻ ánh sáng và sự sống phát sinh từ việc nhận ra Đức Kitô nơi khuôn mặt của người đau khổ và túng thiếu. Tình yêu dành cho người nghèo là một yếu tố thiết yếu trong lịch sử Thiên Chúa đối xử với chúng ta, nó vọt lên từ trái tim của Giáo Hội như một tiếng gọi bền bỉ đánh động cõi lòng các tín hữu, từng người và trong cộng đoàn. Như Thân Mình Đức Kitô, Giáo Hội cảm nghiệm đời sống của người nghèo

như chính “xác thật” của mình, vì họ có một vị trí ưu tuyển trong Dân Thiên Chúa đang lữ hành. Do đó, tình yêu dành cho người nghèo dù cảnh nghèo mang hình thức nào đi nữa chính là dấu ấn Tin Mừng của một Giáo Hội trung tín với trái tim Thiên Chúa. Thật vậy, một trong những ưu tiên của mọi phong trào canh tân trong Giáo Hội luôn là mối quan tâm ưu tiên cho người nghèo. Theo nghĩa này, công việc của Giáo Hội với người nghèo khác với công việc của bất cứ tổ chức nhân đạo nào cả về linh hứng lẫn phương pháp.

104. Không Kitô hữu nào có thể coi người nghèo đơn thuần là một vấn đề xã hội, họ thuộc gia đình của chúng ta, họ là một phần của chúng ta. Tương quan của chúng ta với người nghèo cũng không thể bị giản lược thành một hoạt động hay chức năng giáo hội khác nữa. Theo lời Văn kiện Aparecida, “chúng ta được yêu cầu dành thời giờ cho người nghèo, chăm chú yêu thương họ, lắng nghe họ cách quan tâm, đứng bên họ trong giờ gian khó, chọn ở với họ nhiều giờ, nhiều tuần hay nhiều năm của đời mình và nỗ lực biến đổi hoàn cảnh của họ khởi đi từ chính họ. Chúng ta không thể quên rằng đó là điều chính Đức Giêsu đã đề nghị bằng việc làm và lời nói của Người.” [114]

Người Samari nhân hậu, thêm một lần nữa

105. Nền văn hóa thống trị đầu thiên niên kỷ này muốn chúng ta bỏ mặc người nghèo cho số phận và xem họ không xứng đáng với sự chú ý chứ đừng nói là tôn trọng. Đức Phanxicô trong Thông điệp Fratelli Tutti mời chúng ta suy niệm về dụ ngôn Người Samari nhân hậu xem Lc mười mười lăm đến ba mươi bảy, nơi đó trình bày những phản ứng khác nhau trước cảnh một người bị thương nằm bên vệ đường. Chỉ người Samari dừng lại và chăm sóc. Đức Phanxicô chất vấn mỗi người chúng ta “Bạn đồng hóa mình với ai trong số những người ấy. Câu hỏi mạnh mẽ ấy trực tiếp và sắc bén. Bạn giống nhân vật nào. Chúng ta phải thú nhận rằng chúng ta thường xuyên bị cám dỗ bỏ qua người khác, nhất là người yếu đuối. Hãy thú nhận rằng dù đã đạt nhiều tiến bộ, chúng ta vẫn còn mù chữ trong việc đồng hành, chăm sóc và nâng đỡ những phần tử mong manh nhất và dễ tổn thương nhất của các xã hội phát triển. Chúng ta đã quen quay mặt làm ngơ, đi qua và phớt lờ cho tới khi sự việc chạm đến chính mình.” [115]

106. Câu chuyện về Người Samari nhân hậu vẫn rất hợp thời hôm nay. “Nếu tôi gặp một người ngủ ngoài trời trong đêm lạnh, tôi có thể nhìn họ như một điều gây phiền, một kẻ lười, một vật cản, một cảnh khó coi, một vấn đề dành cho các chính khách giải quyết, hay thậm chí như một mảnh rác bừa bãi nơi công cộng. Hoặc tôi có thể đáp lại bằng đức tin và đức ái, và nhìn nơi người ấy một con người có phẩm giá giống hệt tôi, một thụ tạo được Chúa Cha yêu vô cùng, một hình ảnh của Thiên Chúa, một anh chị em được Đức Giêsu Kitô cứu chuộc. Đó chính là ý nghĩa của việc làm Kitô hữu. Có thể nào

hiếu thánh thiện tách rời khỏi việc nhận ra sống động phẩm giá của từng con người như thế không.” [116] Người Samari đã làm gì.

107. Những câu hỏi ấy lại càng khẩn thiết khi đối diện một căn bệnh nghiêm trọng trong đời sống xã hội và ngay trong các cộng đoàn Kitô hữu. Muôn hình thức dừng dừng quanh ta thực ra là “dấu một lối tiếp cận cuộc sống đang lan truyền bằng những cách tinh vi khác nhau. Hơn nữa vì bị cuốn vào nhu cầu riêng, hình ảnh một người đang đau khổ khiến ta bất an. Nó làm ta bối rối vì ta không rảnh thì giờ cho vấn đề của người khác. Đó là triệu chứng của một xã hội bất ổn. Một xã hội mưu tìm thịnh vượng nhưng quay lưng với đau khổ. Xin đừng sa xuống vực sâu ấy. Hãy nhìn tấm gương của Người Samari nhân hậu.” [117] Lời kết của dụ ngôn Tin Mừng “Hãy đi và cũng hãy làm như vậy” xem Lc mười ba mười bảy là một lệnh truyền mà mỗi Kitô hữu phải ghi lòng mỗi ngày.

Một thách đố không thể lẫn tránh cho Giáo Hội hôm nay

108. Vào một thời khắc đặc biệt gay go trong lịch sử Giáo Hội tại Rôma khi các thiết chế đế quốc sụp đổ dưới sức ép của những cuộc xâm lăng man tợ, Thánh Giáo Hoàng Grêgôriô Cả cảm thấy cần nhắc các tín hữu “Mỗi phút nếu chịu tìm ta đều có thể gặp một người Lagiarô và mỗi ngày đều không tìm ta cũng gặp ngay trước cửa nhà mình. Bây giờ những người ăn xin vây bủa chúng ta nài xin bố thí, sau này họ sẽ là những người biện hộ cho chúng ta... Vì thế đừng phí lỡ cơ hội làm việc bác ái, đừng cất giữ vô dụng những điều thiện mình đang có.” [118] Grêgôriô mạnh mẽ tố giác các thành kiến đương thời chống người nghèo, kể cả quan niệm cho rằng họ tự chuốc lấy cảnh ngộ của mình “Bất cứ khi nào thấy người nghèo làm điều đáng trách, chớ khinh miệt hay bôi nhọ họ, vì lửa của nghèo khó có lẽ đang thanh luyện những hành vi tội lỗi của họ cho dù rất nhỏ.” [119] Không ít lần sự sung túc làm ta mù lòa trước nhu cầu của người khác và khiến ta nghĩ hạnh phúc mãn nguyện của mình chỉ tùy chính mình mà không cần ai. Trong những trường hợp như vậy, người nghèo có thể trở thành những người thầy tinh lặng giúp ta ý thức sự tự phụ của mình và khơi dậy nơi ta một tinh thần khiêm tốn chính đáng.

109. Dù đúng là người giàu chăm sóc người nghèo thì điều ngược lại cũng không kém phần đúng. Đây là một sự thật kỳ diệu được toàn bộ truyền thống Kitô giáo xác nhận. Đời người có thể đổi thay thực sự khi nhận ra người nghèo có rất nhiều điều dạy ta về Tin Mừng và các đòi hỏi của nó. Bằng chứng tá thăm lặng, họ buộc ta đối diện với tính bấp bênh của hiện hữu. Người cao niên chẳng hạn bằng sự mong manh thể lý nhắc ta về sự mong manh của chính mình, ngay khi ta đang cố che giấu nó sau vẻ sung túc bề ngoài. Người nghèo cũng nhắc ta thấy sự hung hăng kiêu ngạo mà ta thường dùng để đương đầu khó khăn đời sống là vô căn cứ. Họ nhắc ta thấy cuộc sống tưởng chừng an toàn chắc chắn của ta kỳ thực mong manh và rỗng tuếch biết bao.

Ở đây nữa Thánh Grêgôriô Cả vẫn còn nhiều điều nói với ta “Đừng ai tự cho mình an toàn mà rằng tôi không cướp của ai cả, tôi chỉ dùng những gì chính đáng của riêng tôi. Người phú hộ không bị phạt vì chiếm đoạt của người khác, nhưng vì trong khi sở hữu của cải lớn lao ông đã trở thành kẻ nghèo nàn bên trong. Đó thực là lý do ông bị kết án hỏa ngục, trong cảnh phú túc ông không còn cảm thức công chính, của cải ông có làm ông kiêu ngạo và khiến ông đánh mất mọi lòng xót thương.” [120]

110. Đối với chúng ta là Kitô hữu, vấn đề người nghèo chạm đến chính tâm điểm đức tin. Thánh Gioan Phaolô hai dạy rằng chọn lựa ưu tiên cho người nghèo nghĩa là tình yêu của Giáo Hội dành cho người nghèo “là điều thiết yếu cho Giáo Hội và là phần của truyền thống không gián đoạn, thúc bách Giáo Hội lưu tâm đến một thế giới mà nơi đó nghèo khó đang đe dọa đạt tới kích cỡ khổng lồ bất chấp tiến bộ công nghệ và kinh tế.” [121] Đối với Kitô hữu, người nghèo không phải là một phạm trù xã hội học nhưng là chính “xác thịt” của Đức Kitô. Không đủ để tuyên xưng mầu nhiệm Nhập Thể một cách chung chung. Muốn thực sự bước vào mầu nhiệm lớn lao ấy, ta cần hiểu rằng Chúa đã mang lấy một xác thịt biết đói khát, biết bệnh tật và biết cảnh lao tù. “Một Giáo Hội nghèo cho người nghèo khởi đi bằng việc vươn đến xác thịt Đức Kitô. Nếu ta chạm tới xác thịt Đức Kitô, ta bắt đầu hiểu đôi điều, hiểu sự nghèo ấy là gì, sự nghèo của Chúa, và điều này không hề dễ.” [122]

111. Theo bản tính, Giáo Hội liên đới với người nghèo, người bị loại trừ, người ở bên lề và hết thấy những ai bị coi là hạng cùng đinh trong xã hội. Người nghèo ở nơi tâm điểm của Giáo Hội vì “đức tin của chúng ta nơi Đức Kitô Đấng đã trở nên nghèo và luôn ở gần người nghèo và người bị loại trừ là nền tảng cho mối quan tâm của chúng ta đối với sự phát triển toàn diện của những thành phần bị lãng quên nhất trong xã hội.” [123] Trong lòng mình chúng ta gặp “nhu cầu lắng nghe lời khẩn cầu này phát sinh từ tác động giải phóng của ân sủng nơi mỗi người chúng ta, nên đây không phải là sứ mạng dành riêng cho một vài người.” [124]

112. Thỉnh thoảng có những phong trào hay nhóm Kitô hữu xuất hiện mà ít hay không quan tâm đến công ích xã hội và đặc biệt đến việc bảo vệ thăng tiến những thành phần mong manh và bị thiệt thòi nhất. Tuy nhiên đừng bao giờ quên rằng tôn giáo nhất là Kitô giáo không thể bị bó hẹp trong lãnh vực riêng tư như thể tín hữu không có gì để nói trước các vấn đề tác động đến xã hội dân sự và các mối bận tâm của các phần tử trong đó. [125]

113. Thật thế “bất cứ cộng đoàn Giáo Hội nào nếu nghĩ mình có thể thành thoi đi đường riêng mà không có mối bận tâm sáng tạo và sự cộng tác hiệu quả nhằm giúp người nghèo sống xứng nhân phẩm và vươn tới mọi người thì cộng đoàn ấy cũng sẽ có nguy cơ suy sụp, cho dù họ nói nhiều về các vấn đề xã hội hay chỉ trích chính quyền. Họ sẽ dễ trôi dạt vào một thứ thế tục tình

thần được ngụy trang bằng thực hành đạo đức, những cuộc họp vô bổ và lời nói rỗng.” [126]

114. Vấn đề cũng không chỉ là cung cấp trợ giúp xã hội và bảo đảm công bằng xã hội. Kitô hữu còn phải ý thức một kiểu bất nhất khác trong cách đối xử với người nghèo. Thực tế “hình thức kỳ thị tệ hại nhất mà người nghèo phải chịu là thiếu chăm sóc thiêng liêng... Chọn lựa ưu tiên cho người nghèo của chúng ta trước hết phải được chuyển thành một sự chăm sóc tôn giáo ưu tiên và đặc biệt.” [127] Tuy nhiên sự lưu tâm thiêng liêng dành cho người nghèo này lại bị đặt thành vấn nạn ngay giữa các Kitô hữu vì các định kiến phát sinh từ việc chúng ta dễ dàng nhắm mắt làm ngơ người nghèo. Có người nói “nhiệm vụ của chúng ta là cầu nguyện và dạy giáo lý vững vàng.” Tách rời khía cạnh tôn giáo này khỏi việc phát triển toàn diện, họ còn nói đó là việc của nhà nước chăm lo hay tốt hơn là đừng nhắc họ khỏi nghèo khó nhưng chỉ cần dạy họ làm việc. Đôi khi người ta còn nại đến dữ liệu giả khoa học để biện minh rằng nền kinh tế thị trường tự do sẽ tự động giải quyết vấn đề nghèo đói. Hoặc bảo rằng nên hướng mục vụ về cái gọi là giới tinh hoa vì thay vì mất thời giờ cho người nghèo thì tốt hơn chăm lo cho người giàu, người có ảnh hưởng và giới chuyên nghiệp để nhờ họ mới có giải pháp thực sự và Giáo Hội được che chở. Rất dễ nhận ra tính thế tục đằng sau những lập trường ấy vốn khiến ta nhìn thực tại bằng những thấu kính nông cạn không có ánh sáng từ trên và vun trồng những tương quan đem lại an toàn và đặc quyền.

Bố thí hôm nay

115. Tôi muốn kết thúc bằng đôi điều về việc bố thí mà ngày nay ngay giữa các tín hữu cũng không được nhìn thiện cảm. Không những hiếm khi thực hành, bố thí đôi khi còn bị coi thường. Tôi xin nói lại rằng cách quan trọng nhất để giúp người thiếu thốn là trợ giúp họ tìm được một công việc tốt để họ sống xứng phẩm giá bằng việc triển nở khả năng và đóng góp phần công bằng của mình. Theo nghĩa này “thiếu việc làm mang nghĩa nhiều hơn là không có nguồn thu nhập ổn định. Việc làm còn là điều khác nữa rất nhiều. Bằng lao động ta trở thành con người trọn vẹn hơn, nhân tính ta nở hoa, người trẻ chỉ trở thành người trưởng thành nhờ lao động. Học thuyết xã hội của Giáo Hội luôn nhìn lao động của con người như sự tham dự vào công trình sáng tạo của Thiên Chúa vẫn tiếp diễn mỗi ngày nhờ đôi tay khối óc và con tim của người lao động.” [128] Mặt khác, khi điều ấy không thể, ta không thể liều bỏ mặc người khác cho số phận thiếu thốn các nhu cầu cho đời sống xứng nhân. Do đó, trong lúc này, bố thí vẫn là một phương thế cần thiết của sự tiếp xúc, gặp gỡ và cảm thông với những ai kém may mắn.

116. Những ai được linh hứng bởi đức ái chân thật hiểu rất rõ rằng bố thí không miễn trừ trách nhiệm của các nhà chức trách có thẩm quyền, không loại bỏ bốn phận của các cơ quan công quyền trong việc chăm sóc người

nghèo, cũng không làm suy giảm những nỗ lực chính đáng để bảo đảm công lý. Ít nhất bố thí cho chúng ta cơ hội dừng lại trước người nghèo, nhìn vào mắt họ, chạm đến họ và chia sẻ với họ một phần con người của chính mình. Dù sao đi nữa, bố thí cho dù khiêm tốn đến đâu cũng đưa một nét đạo hiếu vào một xã hội vốn bị đánh dấu bởi cơn cuồng chạy theo lợi ích riêng. Theo sách Châm ngôn “Ai quảng đại thì được chúc phúc vì đã chia cơm cho người nghèo.” xem Châm ngôn hai mươi hai chín.

117. Cựu Ước và Tân Ước đều có những khúc ca ngợi bố thí “Hãy kiên nhẫn với người cảnh bần cùng, đừng để họ phải chờ bố thí của người... Hãy tích trữ bố thí trong kho tàng của người, nó sẽ cứu người khỏi mọi tai ương.” xem Huấn ca hai mươi chín tám mươi hai. Chính Đức Giêsu cũng nói “Hãy bán những gì anh em có mà bố thí. Hãy sắm cho mình những túi tiền không hư nát, một kho tàng không bao giờ vơi ở trên trời nơi không kẻ trộm bén mảng không mỗi một đục khoét.” xem Lc mười hai ba mươi ba.

118. Thánh Gioan Kim Khẩu nổi tiếng với câu “Bố thí là đôi cánh của cầu nguyện. Nếu bạn không trao cánh cho lời cầu nguyện, nó khó mà bay lên.” [129] Cùng cung giọng ấy, Thánh Grêgôriô thành Nazianz kết một bài diễn văn lòng danh “Nếu anh em nghĩ rằng tôi có điều gì để nói hỏi các tôi tớ của Đức Kitô anh em của Người và là đồng thừa tự với Người, chúng ta hãy viếng thăm Đức Kitô bất cứ khi nào có thể, hãy chăm sóc Người, nuôi dưỡng Người, mặc cho Người, đón tiếp Người, tôn kính Người, không chỉ là trong bữa ăn như một số người đã làm, hay bằng việc xúc dầu như Maria đã làm, hay chỉ bằng cách cho Người mượn ngôi mộ như Giuse Arimathia, hoặc giúp việc mai táng như Nicôđêmô kẻ đã yêu Đức Kitô nửa vời, hay dâng vàng nhũ hương và mộc dược như các đạo sĩ trước tất cả những người kia. Chúa của hết thảy đòi lòng xót thương chứ không phải hy lễ... Vậy chúng ta hãy tỏ lòng xót thương đối với Người nơi những người nghèo và những ai hôm nay còn nằm trên mặt đất để khi rời bỏ thế giới này họ sẽ đón chúng ta vào nơi cư ngụ muôn đời.” [130]

119. Tình yêu và các xác tín sâu xa của chúng ta cần được bồi dưỡng liên lỉ và chúng ta làm điều đó qua những hành vi cụ thể. Lưu lại mãi trong phạm vi ý tưởng và lý thuyết mà không đặt chúng vào những hành vi bác ái thường xuyên và thiết thực rồi cuộc sống sẽ làm cả những hy vọng và khát vọng quý nhất của chúng ta suy yếu và phai nhạt. Chính vì thế người Kitô hữu không được bỏ việc bố thí. Có thể thực hiện bằng nhiều cách và chắc chắn hiệu quả hơn, nhưng vẫn phải thực hiện. Ít ra làm được điều gì đó còn hơn không làm gì. Dù dưới hình thức nào, bố thí cũng sẽ chạm tới và làm mềm đi con tim đã chai cứng của chúng ta. Nó không giải quyết vấn nạn nghèo đói của thế giới, nhưng vẫn phải được thực hiện với trí tuệ, sự chuyên cần và trách nhiệm xã hội. Về

phần mình, chúng ta cần bố thí như một cách vươn tay và chạm tới xác thịt đang đau khổ của người nghèo.

120. Tình yêu Kitô giáo phá đổ mọi bức tường, kéo lại gần những người xa cách, liên kết người xa lạ và hòa giải kẻ thù. Nó bắc cầu vượt qua những hố sâu mà về phương diện nhân loại tưởng như không thể và thâm nhập vào tận những góc ngách ẩn kín nhất của xã hội. Bởi bản tính, tình yêu Kitô giáo mang tính ngôn sứ, làm nên những phép lạ và không biết giới hạn. Nó làm cho điều tưởng chừng không thể trở thành hiện thực. Tình yêu trước hết là một lối nhìn đời và một cung cách sống. Một Giáo Hội không đặt ranh giới cho tình yêu, không biết ai là kẻ thù để chiến đấu nhưng chỉ có người nam và người nữ để yêu thương, đó là Giáo Hội mà thế giới hôm nay đang cần.

121. Nhờ công việc của anh chị em, nhờ nỗ lực thay đổi các cơ cấu xã hội bất công, hay nhờ một cử chỉ gần gũi nâng đỡ đơn sơ mà chân thành, người nghèo sẽ nhận ra rằng lời của Đức Giêsu được ngó cách cá vị với từng người trong họ “Ta đã yêu thương người.” xem Khải Huyền ba chín.

Ban tại Rôma, tại Đền Thánh Phêrô, ngày bốn tháng mười, lễ kính Thánh Phanxicô Assisi, năm hai nghìn không trăm hai mươi lăm, năm thứ nhất triều đại Giáo Hoàng của tôi.

LEO PP. XIV

[1] Francis, Encyclical Letter Dilexit Nos (24 October 2024), 170: AAS 116 (2024), 1422.

[2] Ibid., 171: AAS 116 (2024), 1422-1423.

[3] Francis, Apostolic Exhortation Gaudete et Exsultate (19 March 2018), 96: AAS 110 (2018), 1137.

[4] Francis, Audience with Representatives of the Communications Media (16 March 2013): AAS 105 (2013), 381.

[5] J. Bergoglio - A. Skorka, Sobre el cielo y la tierra, Buenos Aires 2013, 214.

[6] Paul VI, Homily at the Mass for the Last Public Session of the Second Vatican Ecumenical Council (7 December 1965): AAS 58 (1966), 55-56.

[7] Cf. Francis, Apostolic Exhortation Evangelii Gaudium (24 November 2013), 187: AAS 105 (2013), 1098.

[8] Ibid., 212: AAS 105 (2013), 1108.

[9] Francis, Encyclical Letter Fratelli Tutti (3 October 2020), 23: AAS 112 (2020), 977.

[10] Ibid., 21: AAS 112 (2020), 976.

[11] Council of the European Communities, Decision (85/8/EEC) on Specific Community Action to Combat Poverty (19 December 1984), Art. 1(2): Official Journal of the European Communities, No. L 2/24.

[12] Cf. John Paul II, Catechesis (27 October 1999): L'Osservatore Romano, 28 October 1999, 4.

[13] Francis, Apostolic Exhortation Evangelii Gaudium (24 November 2013), 197: AAS 105 (2013), 1102.

[14] Cf. Francis, Message for the 5th World Day of the Poor (13 June 2021), 3: AAS 113 (2021), 691: "Jesus not only sides with the poor; he also shares their lot. This is a powerful lesson for his disciples in every age."

[15] Francis, Apostolic Exhortation Evangelii Gaudium (24 November 2013), 186: AAS 105 (2013), 1098.

[16] Francis, Apostolic Exhortation Gaudete et Exsultate (19 March 2018), 95: AAS 110 (2018), 1137.

[17] Ibid., 97: AAS 110 (2018), 1137.

[18] Francis, Apostolic Exhortation Evangelii Gaudium (24 November 2013), 194: AAS 105 (2013), 1101.

[19] Francis, Audience with Representatives of the Communications Media (16 March 2013): AAS 105 (2013), 381.

[20] Second Vatican Ecumenical Council, Dogmatic Constitution Lumen Gentium, 8.

[21] Francis, Apostolic Exhortation Evangelii Gaudium (24 November 2013), 48: AAS 105 (2013), 1040.

[22] In this chapter, some of these witnesses are being put forward. This is not being done in an exhaustive manner but rather to demonstrate that care for the poor has always characterized the presence of the Church in the world. A more in-depth reflection on the attention given to those most in need can be found in the following book: V. Paglia, *Storia della povertà*, Milan 2014.

[23] Cf. Ambrose, *De officiis ministrorum* I, cap. 41, 205-206: CCL 15, Turnhout 2000, 76-77; II, cap. 28, 140-143: CCL 15, 148-149.

[24] Ibid., II, cap. 28, 140: CCL 15, 148.

[25] Ibid.

[26] Ibid., II, cap. 28, 142: CCL 15, 148.

[27] Ignatius of Antioch, *Epistula ad Smyrnaeos*, 6, 2: SC 10bis, Paris 2007, 136-138.

[28] Polycarp, *Epistula ad Philippenses*, 6, 1: SC 10bis, 186.

[29] Justin, *Apologia prima*, 67, 6-7: SC 507, Paris 2006, 310.

[30] John Chrysostom, *Homiliae in Matthaeum*, 50, 3: PG 58, Paris 1862, 508.

[31] Ibid. 50, 4: PG 58, 509.

[32] John Chrysostom, *Homilia in Epistula ad Hebraeos*, 11, 3: PG 63, Paris 1862, 94.

[33] John Chrysostom, *Homilia II De Lazaro*, 6: PG 48, Paris 1862, 992.

[34] Ambrose, *De Nabuthae*, 12, 53: CSEL 32/2, Prague-Vienna-Leipzig 1897, 498.

[35] Augustine, *Enarrationes in Psalmos*, 125, 12: CSEL 95/3, Vienna 2001, 181.

[36] Augustine, *Sermo LXXXVI*, 5: CCSL 41Ab, Turnhout 2019, 411-412.

[37] Pseudo-Augustine, *Sermo CCCLXXXVIII*, 2: PL 39, Paris 1862, 1700.

[38] Cyprian, *De mortalitate*, 16: CCSL 3A, Turnhout 1976, 25.

[39] Francis, *Message for the 30th World Day of the Sick* (10 December 2021), 3: AAS 114 (2022), 51.

[40] Camillus de Lellis, *Rule of the Order of Ministers of the Sick*, 27: M. Vanti (ed.), *Scritti di San Camillo de Lellis*, Milan 1965, 67.

[41] Louise de Marillac, *Letter to Sisters Claudia Carré and Maria Gaudoin* (28 November 1657): E. Charpy (ed.), *Sainte Louise de Marillac. Écrits*, Paris 1983, 576.

[42] Basil the Great, *Regulae fusius tractatae*, 37, 1: PG 31, Paris 1857, 1009 C-D.

[43] *Regula Benedicti*, 53, 15: SC 182, Paris 1972, 614.

[44] John Cassian, *Collationes*, XIV, 10: CSEL 13, Vienna 2004, 410.

[45] Benedict XVI, *Catechesis* (21 October 2009): *L'Osservatore Romano*, 22 October 2009, 1.

[46] Cf. Innocent III, *Bull Operante divinae dispositionis – Primitive Rule of the Trinitarians* (17 December 1198), 2: J.L. Aurrecoechea – A. Moldón (eds.), *Fuentes históricas de la Orden Trinitaria (s. XII-XV)*, Córdoba 2003, 6: “All things, from whatever lawful source they may come, the brothers are to divide them into three equal parts. Insofar as two parts will be sufficient, the works of mercy are to be performed from them, as well as providing for a moderate sustenance for themselves and their necessary household members. The third part is to be reserved for the ransom of captives who are incarcerated for the faith of Christ.”

[47] Cf. *Constitutions of the Mercedarian Order*, n. 14: *Orden de la Bienaventurada Virgen María de la Merced, Regla y Constituciones*, Rome 2014, 53: “To fulfill this mission, driven by charity, we consecrate ourselves to God with a special vow, called Redemption, by virtue of which we promise to give our lives, if necessary, as Christ gave his for us, to save Christians who are in extreme danger of losing their faith in new forms of slavery.”

[48] Cf. Saint John Baptist of the Conception, *La regla de la Orden de la Santísima Trinidad*, XX, 1: BAC Maior 60, Madrid, 1999, 90: “In this, the poor and prisoners are like Christ, on whom the sufferings of the world are laid... This holy Order of the Most Holy Trinity summons them and invites them to

come and drink the water of the Savior, which means that, if Christ hanging on the cross was redemption and salvation for men, the Order has taken this redemption and wants to distribute it to the poor and save and free the prisoners.”

[49] Cf. Saint John Baptist of the Conception, *El recogimiento interior*, XL, 4: BAC Maior 48, Madrid 1995, 689: “Free will makes man free and master among all creatures, but, God help me, how many are those who, by this way, become slaves and prisoners of the devil, imprisoned and chained by their passions and lusts.”

[50] Francis, Message for the 48th World Day of Peace (8 December 2014), 3: AAS 107 (2015), 69.

[51] Francis, Meeting with Police Prison Officers, Detainees, and Volunteers (Verona, May 18 May 2024): AAS 116 (2024), 766.

[52] Honorius III, Bull *Solet annuere* – Regula bullata (29 November 1223), chap. VI: SC 285, Paris 1981, 192.

[53] Cf. Gregory IX, Bull *Sicut manifestum est* (17 September 1228), 7: SC 325, Paris 1985, 200: “Sicut igitur supplicastis, altissimae paupertatis propositum vestrum favore apostolico roboramus, auctoritate vobis praesentium indulgentes, ut recipere possessiones a nullo compelli possitis.”

[54] Cf. S.C. Tugwell, (ed.), *Early Dominicans. Selected Writings*, Mahwah 1982, 16-19.

[55] Thomas of Celano, *Vita Seconda*, pars prima, cap. IV, 8: *AnalFranc*, 10, Florence 1941, 135.

[56] Francis, Address following the visit to the tomb of Don Lorenzo Milani, (Barbiana, 20 June 2017), 2: AAS 109 (2017), 745.

[57] John Paul II, Address to the Participants in the General Chapter of the Poor Clerics Regular of the Mother of God of the Pious Schools (Piarists) (5 July 1997), 2: *L'Osservatore Romano*, 6 July 1997, 5.

[58] Ibid.

[59] John Paul II, Homily for the Mass of Canonization (18 April 1999): AAS 91 (1999), 930.

[60] Cf. John Paul II, Letter *Iuvenum Patris* (31 January 1988), 9: AAS 80 (1988), 976.

[61] Cf. Francis, Address to the Participants in the General Chapter of the Institute of Charity (Rosminians) (1 October 2018): *L'Osservatore Romano*, 1-2 October 2018, 7.

[62] Francis, Homily for the Mass of Canonization (9 October 2022): AAS 114 (2022), 1338.

- [63] John Paul II, Message to the Congregation of the Missionary Sisters of the Sacred Heart (31 May 2000), 3: L'Osservatore Romano, 16 July 2000, 5.
- [64] Cf. Pius XII, Papal Brief Superior Iam Aetate (8 September 1950): AAS 43 (1951), 455-456.
- [65] Francis, Message for the 105th World Day of Migrants and Refugees (27 May 2019): AAS 111 (2019), 911.
- [66] Francis, Message for the 100th World Day of Migrants and Refugees (5 August 2013): AAS 105 (2013), 930.
- [67] Teresa of Calcutta, Speech on the occasion of the awarding of the Nobel Peace Prize (Oslo, 10 December 1979): *Aimer jusqu'à en avoir mal*, Lyon 2017, 19-20.
- [68] John Paul II, Address to the Pilgrims who had come to Rome for the Beatification of Mother Teresa (20 October 2003), 3: L'Osservatore Romano, 20-21 October 2003, 10.
- [69] Francis, Homily for the Mass and Canonization (13 October 2019): AAS 111 (2019), 1712.
- [70] John Paul II, Apostolic Letter Novo Millennio Ineunte (6 January 2001), 49: AAS 93 (2001), 302.
- [71] Francis, Apostolic Exhortation Christus Vivit (25 March 2019), 231: AAS 111 (2019), 458.
- [72] Francis, Address to Participants in the World Meeting of Popular Movements (28 October 2014): AAS 106 (2014), 851-852.
- [73] *Ibid.*: AAS 106 (2014), 859.
- [74] Francis, Address to Participants in the World Meeting of Popular Movements (November 5, 2016): L'Osservatore Romano, 7-8 November, 2016, 5.
- [75] *Ibid.*
- [76] John XXIII, Radio Message to all the Christian faithful one month before the opening of the Second Vatican Ecumenical Council (11 September 1962): AAS 54 (1962), 682.
- [77] G. LERCARO, Intervention in the XXXV General Congregation of the Second Vatican Ecumenical Council (6 December 1962), 2: AS I/IV, 327-328.
- [78] *Ibid.*, 4: AS I/IV, 329.
- [79] Institute for Religious Sciences (ed.), *Per la forza dello Spirito. Discorsi conciliari del Card. Giacomo Lercaro*, Bologna 1984, 115.
- [80] Paul VI, Address for the Solemn Inauguration of the Second Session of the Second Vatican Ecumenical Council (29 September 1963): AAS 55 (1963) 857.

[81] Paul VI, Catechesis (11 November 1964): *Insegnamenti di Paolo VI*, II (1964), 984.

[82] Second Vatican Ecumenical Council, Pastoral Constitution *Gaudium et Spes*, 69, 71.

[83] Paul VI, Encyclical Letter *Populorum Progressio* (26 March 1967), 23: AAS 59 (1967), 269.

[84] Cf. *ibid.*, 4: AAS 59 (1967), 259.

[85] John Paul II, Encyclical Letter *Sollicitudo Rei Socialis* (30 December 1987), 42: AAS 80 (1988), 572.

[86] *Ibid.*, AAS 80 (1988), 573.

[87] John Paul II, Encyclical Letter *Laborem Exercens* (14 September 1981), 3: AAS 73 (1981), 584.

[88] Benedict XVI, Encyclical Letter *Caritas in Veritate* (29 June 2009), 7: AAS 101 (2009), 645.

[89] *Ibid.*, 27: AAS 101 (2009), 661.

[90] Second General Conference of the Latin American Bishops, Medellín Document (24 October 1968), 14, n. 7: Celam, Medellín. Conclusiones, Lima 2005, 131-132.

[91] Francis, Apostolic Exhortation *Evangelii Gaudium* (24 November 2013), 202: AAS 105 (2013), 1105.

[92] *Ibid.*, 205: AAS 105 (2013), 1106.

[93] *Ibid.*, 190: AAS 105 (2013), 1099.

[94] *Ibid.*, 56: AAS 105 (2013), 1043.

[95] Francis, Encyclical Letter *Dilexit Nos* (24 October 2024), 183: AAS 116 (2024), 1427.

[96] John Paul II, Encyclical Letter *Centesimus Annus* (1 May 1991), 41: AAS 83 (1991), 844-845.

[97] Francis, Apostolic Exhortation *Evangelii Gaudium* (24 November 2013), 202: AAS 105 (2013), 1105.

[98] *Ibid.*

[99] Francis, Encyclical Letter *Fratelli Tutti* (3 October 2020), 22: AAS 112 (2020), 976.

[100] Francis, Apostolic Exhortation *Evangelii Gaudium* (24 November 2013), 209: AAS 105 (2013), 1107.

[101] Francis, Encyclical Letter *Laudato Si'* (24 May 2015), 50: AAS 107 (2015), 866.

[102] Francis, Apostolic Exhortation *Evangelii Gaudium* (24 November 2013), 210: AAS 105 (2013), 1107.

[103] Francis, Encyclical Letter *Laudato Si'* (24 May 2015), 43: AAS 107 (2015), 863.

[104] *Ibid.*, 48: AAS 107 (2015), 865.

[105] Francis, Apostolic Exhortation Evangelii Gaudium (24 November 2013), 180: AAS 105 (2013), 1095.

[106] Congregation for the Doctrine of the Faith, Instruction on Certain Aspects of the "Theology of Liberation" (6 August 1984) XI, 18: AAS 76 (1984), 907-908.

[107] Fifth General Conference of the Latin American and Caribbean Bishops, Aparecida Document, (29 June 2007), n. 392, Bogotá 2007, pp. 179-180. Cf. Benedict XVI, Address at the Inaugural Session of the Fifth General Conference of the Bishops of Latin America and the Caribbean (13 May 2007), 3: AAS 99 (2007), 450.

[108] Cf. Fifth General Conference of the Latin American and Caribbean Bishops, Aparecida Document (29 June 2007), nn. 43-87, pp. 31-47.

[109] Fifth General Conference of the Latin American and Caribbean Bishops, Final Message (29 May 2007), n. 4, Bogotá 2007, p. 275.

[110] Fifth General Conference of the Latin American and Caribbean Bishops, Aparecida Document (29 June 2007), n. 398, p. 182.

[111] Francis, Apostolic Exhortation Evangelii Gaudium (24 November 2013), 199: AAS 105 (2013), 1103-1104.

[112] *Ibid.*, 198: AAS 105 (2013), 1103.

[113] *Ibid.*

[114] Fifth General Conference of the Bishops of Latin America and the Caribbean, Aparecida Document (29 June 2007), n. 397, p. 182.

[115] Francis, Encyclical Letter Fratelli Tutti (3 October 2020), 64: AAS 112 (2020), 992.

[116] Francis, Apostolic Exhortation Gaudete et Exsultate (19 March 2018), 98: AAS 110 (2018), 1137.

[117] Francis, Encyclical Letter Fratelli Tutti (3 October 2020), 65-66: AAS 112 (2020), 992.

[118] Gregory the Great, Homilia 40, 10: SC 522, Paris 2008, 552-554.

[119] *Ibid.*, 6: SC 522, 546.

[120] *Ibid.*, 3: SC 522, 536.

[121] John Paul II, Encyclical Letter Centesimus Annus (1 May 1991), 57: AAS 83 (1991), 862-863.

[122] Francis, Vigil of Pentecost with the Ecclesial Movements (18 May 2013): *L'Osservatore Romano* 20-21 May 2013, 5.

[123] Francis, Apostolic Exhortation Evangelii Gaudium (24 November 2013), 186: AAS 105 (2013), 1098.

[124] *Ibid.*, 188: AAS 105 (2013), 1099.

[125] Cf. *ibid.*, 182-183: AAS 105 (2013), 1096-1097.

[126] Ibid., 207: AAS 105 (2013), 1107.

[127] Ibid., 200: AAS 105 (2013), 1104.

[128] Francis, Address at the Meeting with Representatives of the World of Labor at the Ilva Factory in Genoa (27 May 2017): AAS 109 (2017), 613.

[129] Pseudo-Chrysostom, Homilia de Jejuniō et Eleemosyna: PG 48, 1060.

[130] Gregory Nazianzus, Oratio XIV, 40: PG 35, Paris 1886, 910.